**TUẦN 5**

***Thời gian thực hiện: Thứ hai, ngày 07/10/2024***

**Buổi sáng**

**Tiết 2: Tiếng Việt**

**ĐỌC: BÀI 9: TRƯỚC CỔNG TRỜI (1 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Trước cổng trời, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao.

- Đọc hiểu: Nhận biết được hình ảnh thơ, thời gian và không gian được thể hiện trong bài thơ. Nhận biết được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng,... qua lời thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu,... Trong không gian ấy, hình ảnh con người hiện lên chan hoà với thiên nhiên và đầy sức sống

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong văn bản và trong đời sống. Biết biểu lộ tình yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ vẻ đẹp của thiên nhiên

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- SGK, Vở và đồ dùng học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. HĐ khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - Giới thiệu chủ điểm mới. Chủ điểm Thế giới tuổi thơ khép lại bằng câu chuyện khoa học viễn tưởng Hành tinh kì lạ đầy thú vị. Chủ điểm thứ hai có tên Thiên nhiên kì thú, bức tranh minh hoạ chủ điểm đã hứa hẹn mang đến cho các em những hiểu biết mới lạ, thú vị về thế giới tự nhiên ở quanh ta hoặc ở rất xa chúng ta.  - GV tổ chức trò chơi “Trồng hoa trang trí lớp”  + Câu 1: Đọc lại bài Hành tinh kì lạ, tìm chi tiết cho biết lí do con tàu phải hạ cánh xuống hành tinh gần nhất.  + Câu 2: Nêu lại nội dung bài “Hành tinh kì lạ”  + Câu 3: Theo em, vì sao cảnh vật trong bức tranh dưới đây được gọi là “cổng trời”?  A cartoon of animals crossing a river  Description automatically generated  - GV dẫn dắt và giới thiệu bài đọc:  ***Bức tranh minh hoạ đã giúp các em cảm nhận phần nào về cảnh sắc thiên nhiên được nói đến trong bài thơ. Chúng ta sẽ đọc bài thơ để cảm nhận rõ hơn sự kì thú của thiên nhiên mà nhà thơ Nguyễn Đình Ảnh gửi đến cho người đọc*** | - HS lắng nghe  - HS tham gia trò chơi  + Câu 1: Chi tiết con tàu đang vượt qua hành lang lửa trên hành trình thám hiểm không gian, phía trước tàu bỗng xuất hiện những tia sáng nhấp nháy. Các kim đồng hồ ở buồng lái rối loạn, rồi không nhúc nhích nữa. Tàu buộc phải đáp xuống hành tinh gần nhất.  + Câu 2: Bài đọc kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của hai nhà du hành. Họ lạc vào một hành tinh kì lạ: con người toàn là người máy, máy móc làm việc thay con người, cách tính thời gian khác biệt,... Ở một nơi xa lạ, họ càng thấm thía nỗi nhớ quê nhà - Trái Đất.  + Câu 3: Trong tranh có 2 vách đá ở sát gần nhau như 2 cánh cổng mở ra để nhìn thấy một khoảng trời với những cụm mây lãng đãng, gợi liên tưởng như cổng lên trời hoặc cổng nhà trời.  - HS lắng nghe và ghi tên bài mới | |
| **2. HĐ khám phá.**  - Mục tiêu: *nhận biết được cách đọc, luyện đọc đúng và diễn cảm bài thơ Trước cổng*  *trời, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao*  - Cách tiến hành: | | |
| **2.1. Luyện đọc**  - GV đọc mẫu lần 1:  - GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp: những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật) hoặc mời 3 em đọc nối tiếp các khổ thơ (mỗi em đọc 2 khổ). Trước khi đọc, GV nhắc HS nghe đọc, nhìn vào sách đọc theo để có cảm nhận về hình ảnh, cảnh vật nào thú vị nhất hoặc gây ấn tượng đối với mình.  - GV hướng dẫn HS đọc và luyện đọc một số từ khó, hướng dẫn luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:  + Luyện đọc một số từ khó: *vách đá, ngút ngát, vạt nương, long thung, gặt lúa, nắng chiều,…*  + Một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: Giọng đọc gợi vẻ ngạc nhiên, ngỡ ngàng ở khổ thơ mở đầu (“Giữa hai bên vách đá/ Mở ra một khoảng trời/ Có gió thoảng, mây trôi/ Cổng trời trên mặt đất?”).  + Nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp đặc biệt của thiên nhiên vùng núi cao: ngút ngát, ngân nga,…  - GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành sáu khổ để luyện đọc và tìm ý:  + Khổ 1: “Giữa hai bên vách đá” đến “Cổng trời trên mặt đất?”  + Khổ 2: “Nhìn ra xa ngút ngát” đến “Đàn dê soi đáy suối”.  + Khổ 3: “Giữa ngút ngàn cây trái” đến “Ráng chiều như hơi khói …”  + Khổ 4: “Những vạt nương màu mật” đến “Suốt triền rừng hoang dã”.  + Khổ 5: “Người Tày từ khắp ngả” đến “Đi tìm măng, hái ấm”.  + Khổ 6: “Vạt áo chàm thấp thoáng”  - GV nhận xét việc đọc của HS theo cặp, theo nhóm (có thể mời 3 HS đọc nối tiếp bài thơ trước lớp) | | - HS nghe đọc, nhìn vào sách đọc thầm theo GV để có cảm nhận về hình ảnh, cảnh vật nào thú vị nhất hoặc gây ấn tượng đối với mình.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn của GV.  - HS luyện đọc theo nhóm.  -HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm (3 em/ nhóm): đọc nối tiếp các khổ thơ (1 – 2 lượt). |
| **3. HĐ luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Theo sự hướng dẫn của GV, HS biết cách trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, biết dựa vào lời thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu, cảm nhận được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng... và những con người yêu lao động, dạt dào sức sống, chan hoà với thiên nhiên tươi đẹp.  - Cách tiến hành: | | |
| **3.1. Tìm hiểu bài.**  **GV hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:**  + nguyên sơ: còn nguyên vẹn vẻ tự nhiên như lúc ban đầu.  + vạt nương: mảnh đất dài và hẹp trên đồi núi để trồng trọt.  + triền: dải đất thoai thoải ở hai bên bờ sông hoặc hai bên sườn núi.  + áo chàm: một loại trang phục truyền thống của dân tộc Tày, Nùng, Thái và nhiều dân tộc khác trên vùng núi cao phía Bắc Việt Nam. Áo được nhuộm chàm (cây bụi thuộc họ đậu, lá cho một chất màu lam sẫm, dùng để nhuộm, in, vẽ).  + ráng chiều: hiện tượng ánh sáng mặt trời lúc đang lặn, phản chiếu vào các đám mây, làm cho một khoảng trời sáng rực, nhuộm màu vàng đỏ hay hồng sẫm.  + ...  **- Hướng dẫn trả lời các câu hỏi đọc hiểu**  - GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi:  + Câu 1: Khung cảnh thiên nhiên khi các bạn nhỏ đi chăn trâu được miêu tả thế nào?  + Câu 2: Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh nào? Em thấy hình ảnh nào thú vị nhất? Vì sao?  + Câu 3: Hình ảnh con người trong 2 khổ thơ cuối có những điểm chung nào?  - Câu 4: Theo em, điều gì đã khiến cho cảnh rừng sương giá như ấm lên?  + Câu 5: Nêu chủ đề của bài thơ  - GV mời HS nêu cảm xúc sau khi đọc bài thơ. | | - HS lắng nghe GV giải thích để hiểu nghĩa của từ ngữ. Có thể tra từ điển.    +Giữa những dãy núi trùng điệp, có một khoảng không rộng như thể núi tách ra thành 2 cánh cổng, để lộ khoảng trời rộng mở với những cụm mây lãng đãng, gợi liên tưởng như cổng dẫn lên trời hoặc cổng của nhà trời.  +Từ cổng trời nhìn ra, qua màn sương khói huyền ảo có thể thấy cả một không gian mênh mông, bất tận, những cảnh rừng ngút ngàn cây trái và muôn vàn sắc màu cỏ hoa, những vạt nương, những lòng thung lúa đã chín vàng màu mật đọng, khoảng trời bồng bềnh mây trôi, gió thoảng.  + Ví dụ: Chọn A vì bố nói mới nghe kể thôi bố đã thấy thích trò chơi ấy rồi và mai muốn thử ngay, chứng tỏ trò chơi rất hấp dẫn. Trẻ em và người lớn có những mối quan tâm khác nhau, trò chơi khác nhau, vì thế trò chơi này phải hấp dẫn đến mức nào thì bố mới thể hiện sự hứng thú và hưởng ứng như vậy.  + Những người dân miền núi chăm chỉ, yêu lao động, ai cũng đang làm việc miệt mài, hăng say: gặt lúa, trồng rau, tìm măng, hái nấm,... Con người hoà mình với thiên nhiên (Vạt áo chàm thấp thoáng/ Nhuộm xanh cả nắng chiều).  + Cảnh rừng sương giá như ấm lên bởi có hình ảnh con người, ai nấy đều tất bật, hối hả làm việc (người Tày từ khắp các ngả đi gặt lúa, trồng rau; người Giáy, người Dao đi tìm măng, hái nấm; tiếng xe ngựa vang lên suốt triền rừng hoang dã, những vạt áo chàm nhuộm xanh cả nắng chiều,...  + Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp kì diệu của thiên nhiên. Thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người.  - HS nêu cảm xúc. |
| **3.2. Luyện đọc lại.**  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc:  \* Làm việc cả lớp:  + GV mời đại diện 2 – 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.  + GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.  \* Bình chọn nhóm đọc hay nhất  - GV mời đại diện 1 HS đọc diễn cảm toàn bài trước lớp. | | - HS lắng nghe  + HS nối tiếp đoạn.  + Một số HS đọc diễn cảm trước lớp. |
| **4. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV có thể khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài đọc.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi các em có  nhiều cố gắng hoặc có nhiều đóng góp để tiết  học hiệu quả.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.  - HS lắng nghe. | |
|  | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**----------------------------------------------------------**

**Tiết 3: Tiếng Việt**

**Luyện từ và câu: TỪ ĐỒNG NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được từ đồng nghĩa, bước đầu phân biệt được những từ có nghĩa giống nhau và các từ có nghĩa gần giống nhau.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng vận từ đồng nghĩa vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Biết cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Giáo án, SGK, SGV Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

- Tranh ảnh minh họa bài đọc.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Học sinh**

- SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.

- Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. HĐ khởi động**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS từng bước làm quen với bài học.  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức trò chơi “Hái hoa” để khởi động bài học  **1. Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong những câu thơ sau:**  Giêng, Hai rét cứa như dao,  Nghe tiếng chào mào chống gậy ra trông  Nom Đoài rồi lại ngắm Đông  Bề lo sương táp, bề phòng chim ăn.  - GV mời các nhóm chia sẻ kết quả.  **2. Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong những đoạn văn sau:**  Đất nước ta sạch bóng quân thù. Hai Bà Trưng trở thành hai vị anh hùng đầu tiên được lưu danh trong lịch sử nước nhà.  **3. Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong những câu thơ sau:**  Con tàu như mũi tên  Đang lao về phía trước  Em muốn con tàu này  Đưa em đi khắp nước  Ơi Tổ quốc! Tổ quốc!  - GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.**  **Hoạt động 1: Hình thành khái niệm về từ đồng nghĩa**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - Nắm được khái niệm vè từ đồng nghĩa.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc yêu cầu của PHT dưới đây:    **Bài 1: Đọc 2 đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.**  Đàn kiến tiếp tục công việc của chúng: **khuân** đất,nhặt lá khô, **tha** mồi. Kiến bé tí tẹo nhưng rất khỏe và hăng say. Kiến **vác**, kiến lôi, kiến dẩy, kiến **nhấc** bồng lên được một vật nặng khổng lồ. Kiến chạy tíu tít, gặp nhau đụng đầu chào, rối lại vội vàng, tíu tít …  (Theo Nguyễn Kiên)  Một chú ve kéo đàn. Tiếng đàn ngân lên phá tan bầu không khí tĩnh lặng của buổi **ban mai**. Rồi chú thứ hai, thứ ba, thứ tư cùng hòa vào khúc tấu. Từ **sáng sớm**, khi mặt trời mới ló rạng, tiếng ve đã át tiếng chim.  (Theo Hữu Vi)  a. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa giống nhau?  b. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa gần giống nhau? Nêu nét nghĩa khác nhau giữa chúng.  **Bài 2: Tìm trong mỗi nhóm từ dưới đây những từ có nghĩa giống nhau.**  a. chăm chỉ, cần cù, sắt đá, siêng năng, chịu khó  b. non sông, đất nước, núi non, giang sơn, quốc gia  c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, bình tĩnh, yên tĩnh  + GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ bằng kĩ thuật Mảnh ghép:   * 1/2 lớp sẽ làm BT1 * 1/2 lớp sẽ làm BT2   + GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu có).  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  Bài 1:  - Đoạn thứ nhất có các từ có nghĩa gần giống nhau: khuân, tha, vác, nhấc.  → 4 từ đều nói về hành động tác động vào một vật nặng (thường là mang/ chuyển) và làm cho vật đó thay đổi vị trí.  Nét nghĩa khác nhau: cách thức tác động và làm cho vật đó thay đổi vị trí.   * Khuân: khiêng vác đồ vật nặng; * Tha: mang đi bằng cách ngậm chặt ở miệng hoặc mỏ; * Vác: mang vật nặng bằng cách đặt lên vai; * Nhấc: nâng lên, đưa lên cao hơn.   - Đoạn thứ hai có các từ có nghĩa giống nhau: ban mai, sáng sớm.  → 2 từ này đều nói về thời điểm bắt đầu buổi sáng, khi mặt trời sắp nhô lên khỏi đường chân trời.  Bài 2:  a. sắt đá  b. núi non  c. bình tĩnh  - GV chiếu phần ghi nhớ lên màn hình cho HS:   * Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,…) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xơi, chén,…) * Khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ phù hợp nhất với ý nghĩa được thể hiện.   - GV yêu cầu HS đọc kĩ phần ghi nhớ.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS:  **Hoạt động 2: Thực hành kiến thức về từ đồng nghĩa**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - HS vận dụng được làm các bài tập, câu hỏi có liên quan.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc yêu cầu BT3: Những thành ngữ nào dưới đây chứa các từ đồng nghĩa? Đó là những từ nào?  a. Chân yếu tay mềm.  b. Thức khuya dậy sớm.  c. Đầu voi đuôi chuột.  d. Một nắng hai sương.  e. Ngăn sông cấm chợ.  g. Thay hình đổi dạng.  + GV tổ chức cho HS thảo luận, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.  + GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu có).  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  c. Ngăn sông cấm chợ; các từ đồng nghĩa là: ngăn và cấm.  g. Thay hình đổi dạng; các từ đồng nghĩa là: thay và đổi, hình và dạng.  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc yêu cầu BT4: Chọn từ thích hợp trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa để hoàn thiện đoạn văn.  Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn (1) (khai mạc/ bắt đầu) mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá (2) (tốt tươi/ tươi tắn) tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất (3) (no nê/ no đủ), nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian (4) (đói khát/ đói rách) của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.  (Theo Vũ Hùng)  + GV tổ chức hoạt động nhóm đôi cho HS thực hiện nhiệm vụ trên.  + GV mời 1 – 2 HS đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả, các HS khác nhận xét và phát biểu ý kiến. | - HS tham gia chơi  - Đáp án: Trông - nom  - Đáp án: Đất nước – nước nhà  - Đáp án: Nước – Tổ quốc  - HS ghi bài mới.  - HS đọc nhiệm vụ của BT.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS đọc kĩ phần ghi nhớ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc nhiệm vụ hoạt động.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS phát biểu ý kiến, các HS khác chú ý và nhận xét.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |

|  |  |
| --- | --- |
| **3. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố kiến thức về: Từ đồng nghĩa  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV yêu cầu hs tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong bài ca dao dưới đây:  Lên rừng bắt tép kho cà  Xuống sông hái **quả** thanh trà về ăn  Lên rừng bắt con cá măng  Xuống sông đánh **hổ**, đánh trăn **mang** về...  (Ca dao)  - Nhận xét về tinh thần, thái độ học tập của HS. | - HS làm việc theo nhóm  + Từ đồng nghĩa với quả: trái  + Từ đồng nghĩa với hổ: cọp, hùm,…  + Từ đồng nghĩa với mang: đem  - Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

-----------------------------------------------------------

**Tiết 4: Toán**

**BÀI 11: HỖN SỐ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết về hỗn số qua hình ảnh trực quan.

- Biết đọc, viết hỗn số và nêu được cấu tạo của hỗn số gồm phần nguyên và phần phân số.

- Thực hiện được việc chuyển các hỗn số thành phân số.

- Vận dụng kiến thức bài học vào giải bài toán thực tế liên quan tới hỗn số.

**2. Năng lực**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Phiếu bài tập, bảng phụ, máy tính, máy chiếu (nếu có).

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập (bút, thước, vở ghi, nháp…).

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động** | |
| - GV tổ chức trò chơi: **Ai nhanh, ai đúng?**  **\* Cách chơi:**  - GV đưa hình ảnh khởi động và yêu HS quan sát.  - GV gọi 1 HS đọc thông tin của bạn Nam và 1 HS đọc câu hỏi của bạn Voi.  - GV chia lớp thành các nhóm 4 để cùng thảo luận và giúp bạn Nam trả lời câu hỏi của bạn Voi.  - GV hướng dẫn HS chơi trong nhóm.  - GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết trước lớp.  - GV hướng dẫn HS cả lớp lắng nghe và nhận xét  - GV nhận xét, tổng kết hoạt động và dẫn dắt vào bài mới: **Bài 11: Hỗn số** | - HS quan sát tranh.  - HS đọc bài.  - HS chơi trong nhóm 4  + Nhóm trưởng điều hành các bạn trong nhóm chơi trò chơi.  + Mỗi HS sẽ quan sát tranh, suy nghĩ và viết câu trả lời của mình ra phiếu.  + Bạn nào viết nhanh, chính xác và giải thích hợp lí là người chiến thắng.  - Đại diện các nhóm lên bảng trình bày kết quả của nhóm mình.  - HS nhận xét; cả lớp lắng nghe.  - HS nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.**  **Mục tiêu: -** Học sinh nắm được cấu tạo của hỗn số; biết cách đọc, viết hỗn số. | |
| - GV lấy 2 hình tròn nguyên và 1 hình tròn chia làm 4 phần đã tô màu 3 phần  - GV gắn các hình tròn lên bảng, giới thiệu và hỏi:  + Có mấy hình tròn ?  + Hãy tìm cách viết số hình tròn trên?    - **GV giới thiệu:** Để biểu diễn số hình tròn trên một cách ngắn gọn hơn người ta dùng **hỗn số.**  + Có 2 hình tròn và hình tròn, viết thành hình tròn.  + gọi là **hỗn số**. Đọc: Hai và ba phần tư.  - GV gọi học sinh đọc hỗn số  - GV giới thiệu cho học sinh về cấu tạo của hỗn số: Gồm 2 phần: phần nguyên là 2 và phần phân số là  - GV gọi HS nêu lại cấu tạo của hỗn số.  - GV yêu cầu HS so sánh phần phân số với 1  - GV hỏi: Em có nhận xét gì về phân phân số của hỗn số?  - GV yêu cầu học sinh viết hỗn số vào vở rồi đọc lại hỗn số.  **-** GV hỏi:  +Khi đọc hỗn số, ta đọc như thế nào?  + Khi viết hỗn số, ta viết như thế nào?  - GV yêu cầu mỗi học sinh viết một ví dụ về hỗn số rồi đọc cho bạn bên cạnh nghe.  **-** GV hỏi:Quan phần vừa tìm hiểu, các em đã biết được gì về hỗn số? | - HS quan sát.  + Có 2 và hình tròn  + HS nêu cách viết:  2 hình tròn và hình tròn.  - Học sinh lắng nghe và quan sát.  - HS đọc hỗn số.  - HS lắng nghe.  - Hỗn số gồm 2 phần: Phần nguyên và phần phân số  - HS so sánh: < 1  - Phần phân số của hỗn số phải bé hơn 1.    - HS viết hỗn số rồi đọc.  - HS trả lời:  + Khi đọc hỗn số, ta đọc phần nguyên trước rồi đọc phần phân số sau.  + Khi viết hỗn số, ta viết phần nguyên trước rồi viết phần phân số sau.  - HS viết hỗn số rồi đọc cho bạn nghe.  - HS nêu những hiểu biết của mình về hỗn số. |
| **\* GV kết luận:**  + Hỗn số gồm có hai phần: Phần nguyên và phần phân số. Phần phân số của hỗn số bao giờ cũng bé hơn đơn vị.  + Khi đọc hoặc viết hỗn số, ta đọc hoặc viết phần nguyên trước, rồi đọc hoặc viết phân phân số sau.  - GV hỏi: Hỗn số có thể viết dưới dạng phép tính nào?  - GV nhận xét, chốt: = | - Học sinh đọc lại phần kết luận.  - =  - HS đọc lại phép tính. |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Mục tiêu:** - Học sinh củng cố và luyện tập về cách đọc, viết hỗn số; thực hiện được việc chuyển hỗn số thành phân số. | |
| **\* Bài 1: ( nhóm đôi)**  - GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân. | - HS nêu yêu cầu bài tập  - HS bài cá nhân vào vở bài tập Toán. |
| - GV hướng dẫn HS chia sẻ bài làm với bạn theo nhóm đôi. | - HS chia sẻ bài làm với bạn. |
| - GV gọi 1 HS lên bảng viết các hỗn số thích hợp.  - GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng.  - GV khuyến khích các bạn dưới lớp đặt câu hỏi cho bạn trên bảng. | - 1 HS lên bảng làm bài.  - HS nhận xét bài làm trên bảng của bạn.  - HS tham gia đặt câu hỏi cho bạn. Ví dụ:  + Tại sao ở phần b, bạn viết được hỗn số  + Khi viết các hỗn số, bạn viết như thế nào?  + Bạn có nhận xét gì về phần phân số của các hỗn số vừa viết?... |
| - GV nhận xét, chữa bài. | - HS lắng nghe. |
| **\* Bài 2: ( nhóm )**  - GV gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập  - GV yêu cầu học sinh làm bài vào vở.  - GV chia lớp thành các nhóm, sử dụng kỹ thuật **“Phòng tranh”** để HS chia sẻ bài làm với bạn trong nhóm.  - GV gọi 1 HS lên bảng tổ chức chữa bài cho cả lớp.  - GV nhận xét, cho học sinh nêu lại cấu tạo của hỗn số; cách đọc, viết hỗn số. | - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS làm bài vào vở bài tập Toán.  - HS chia sẻ bài làm trong nhóm:  + HS trưng bày kết bài làm của mình trong nhóm  + Nhóm trưởng tổ chức cho các thành viên trong nhóm chia sẻ từng nội dung a,b,c của bài tập.  - HS lên bảng tổ chức cho cả lớp chữa bài; cả lớp theo dõi, nhận xét.  - HS nêu. |
| **\* Bài 3: (Trò chơi)**  - GV đưa mẫu, yêu cầu HS quan sát mẫu rồi thảo luận nhóm đôi để nhận biết cách chuyển hỗn số thành phân số.  - GV gọi các nhóm trình bày kết quả.  - GV gọi HS nhận xét.  - GV chốt: Trong thực hành, để chuyển hỗn số thành phân số ta tiến hành theo các thao tác sau:  + Lấy phần nguyên nhân với mẫu số rồi cộng với tử số để được tử số mới.  + Mẫu số giữ nguyên.  - GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi **“Tiếp sức”** để hoàn thành bài tập.  + GV chia lớp thành 3 đội, mỗi đội 4 thành viên.  + Các đội lần lượt chuyển các hỗn số có trong bài thành phân số.  + Đội nào làm nhanh và chính xác là đội chiến thắng.  - GV tổ chức cho cả lớp nhận xét chữa bài, tìm ra đội chiến thắng.  - GV tổng kết trò chơi, cho HS nêu lại cách chuyển hỗn số thành phân số. | - HS làm việc nhóm đôi để nhận biết cách chuyển hỗn số thành phân số.  - Để chuyển hỗn số thành phân số có thể trình bày theo 2 cách:  + Cách 1: Biểu diễn hỗn số dưới dạng tổng của một số tự nhiên và một phân số. Tính tông đó.  + Cách 2: Lấy phần nguyên nhân với mẫu số rồi cộng với tử số để được tử số mới; mẫu số giữ nguyên.  - HS tham gia trò chơi theo hướng dẫn của GV.  - Nhận xét, chữa bài. |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm**  **Mục tiêu:** - Giúp HS giải quyết được vấn đề thực tiễn thông qua bài toán. | |
| **\* Bài 4:**  - GV Gọi HS đọc bài toán.  - GV hỏi: Bài toán cho biết thông tin về chiều dài quãng đường giữa các địa điểm nào?  - GV yêu cầu học sinh chia sẻ bài tập theo nhóm đôi.  - GV hỏi: Bài tập giúp chúng ta củng cố kiến thức gì?  **\* Củng cố, dặn dò.**  - Qua tiết học hôm nay, em đã được biết thêm về kiến thức gì?  - Em hãy nêu những hiểu biết của mình về hỗn số?  - GV nhận xét giờ học, dặn dò HS chuẩn bị cho tiết học sau. | - HS đọc bài toán.  - Bài toán cho biết thông tin về chiều dài quãng đường từ:  + Nhà Linh đến Thư viện  + Thư viện đến trường học  + Trường học đến nhà Huy.  - HS làm bài.  - Củng cố cách đọc, viết hỗn số gắn với số đo độ dài.  - Kiến thức về hỗn số.  - HS nêu.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

**---------------------------------------------------**

***Thời gian thực hiện: Thứ ba, ngày 08/10/2024***

**Buổi sáng**

**Tiết 1: Tiếng Việt**

**VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Biết cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng bộ phận của cảnh) với bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng viết bài văn tả phong cảnh.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài biết yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- SGK, Vở ô ly, bút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ khởi động**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, dựa vào kiến thức đã học hãy: Nêu các kiểu bài văn miêu tả đã học.  - GV mời các nhóm chia sẻ kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá và gợi ý thêm:  + Lớp 2: Viết được 4 – 5 câu tả 1 đồ vật.  + Lớp 3: Viết được đoạn văn ngắn tả đồ vật.  + Lớp 4: Viết được bài văn tả con vật, tả cây cối.  - GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới. | - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS trình bày kết quả.  - HS chú ý lắng nghe. |
| **2. HĐ khám phá.**  - Mục tiêu:  + Nhận diện được bài văn tả phong cảnh.  + Xác định được cấu tạo của một bài văn tả phong cảnh.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu của BT1: *Đọc bài văn dưới đây và trả lời câu hỏi:*  *Đà Lạt*  *Đà Lạt là thành phố ngàn hoa, nổi tiếng với hồ trong xanh và thông mơ màng.*  *Nằm trên độ cao 1500 mét so với mặt nước biển, Đà Lạt có khí hậu mát mẻ quanh năm. Đây là nơi nghỉ mát lí tưởng của du khách chẳng những vì không khí mát lành mà còn bởi những cảnh đẹp đến nao lòng.*  *Thác Cam Ly như một dải lụa, trắng sáng như gương, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ. Suối Vàng có cột nước quanh năm suốt tháng đổ xuống ào ào. Suối Vàng chia nước cho các con suối nhỏ rì rào, chảy mãi vào những nẻo nào trong lòng các rừng thông cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.*  *Trong nắng ấm, bầu trời Đà Lạt không chút gợn mây, luôn thắm xanh một màu ngọc bích. Cái màu xanh của tầng không càng thêm lung linh biến ảo khi phản chiều xuống những mặt hồ trong suốt như pha lê.*  *Cảnh sắc thiên nhiên của Đà Lạt vốn dĩ đã đẹp, lại được con người ra công tô điểm. Những vườn rau xanh tươi và những vườn hoa muôn hồng nghìn tía như khoác cho thành phố xinh đẹp này một chiếc áo lụa rực rỡ. Hương hoa hoà với hương ngàn thông làm cho không khí Đà Lạt dễ chịu vô cùng.*  *Thật không ngoa khi ca ngợi Đà Lạt là chốn “bồng lai tiên cảnh".*  *(Theo Ay Dun và Lê Tấn)*  Từ ngữ:  Bồng lai tiên cảnh: nơi có cảnh đẹp và cuộc sống hạnh phúc như thế giới thần tiên.  a.Bài văn trên tả gì?  b. Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn. Nêu nội dung chính của mỗi phần.  *c. Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự nào? Tìm từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh.*    *d. Tình cảm của người viết đối với phong cảnh được thể hiện qua những chi tiết nào?*  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.  + Bài văn tả đặc điểm cảnh vật thiên nhiên của thành phố Đà Lạt.   |  |  | | --- | --- | | ***Mở bài:*** *Đà Lạt là thành phố ngàn hoa, nổi tiếng với hồ trong xanh và thông mơ màng.* | *Mở bài chỉ có 1 câu nhưng giới thiệu được một cách khái quát những cảnh sắc tiêu biểu và đặc điểm nổi bật:*  *- Thành phố ngàn hoa*  *- Nổi tiếng về hồ trong xanh, thông mơ màng.* | | ***Thân bài:*** *Gồm có 4 đoạn văn.* | *- Đoạn 1: Tả bao quát đặc điểm của Đà Lạt (độ cao, khí hậu, cảnh vật đẹp).*  *- Đoạn 2: Tả thác Cam Ly, suối Vàng, rừng thông của Đà Lạt.*  *- Đoạn 3: Tả bầu trời và những hồ nước ở Đà Lạt.*  *- Đoạn 4: Tả những vườn hoa và vườn rau của Đà Lạt.* | | ***Kết bài:*** *Thật không ngoa khi ca ngợi Đà Lạt là chốn “bồng lai tiên cảnh”.* | *Kết bài chỉ có 1 câu ngắn gọn, cô đọng nhưng nói lên được cảm nhận, lời ca ngợi đầy ấn tượng về phong cảnh của Đà Lạt.* |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | ***Phong cảnh Đà Lạt*** | | | | | ***Vẻ đẹp do thiên nhiên ưu đãi*** | *Vị trí địa lí* | *Đà Lạt nằm trên độ cao 1500 mét so với mặt nước biển.* | | | *Khí hậu* | *Đà Lạt mát mẻ quanh năm, không khí mát lành, là nơi nghỉ mát lí tưởng.* | | | *Cảnh vật* | *- Thác nước: như một dải lụa, trắng sáng như gương, tô điểm cho thành phố vẻ hung vĩ và nên thơ.*  *- Dòng suối (suối Vàng): có cột nước quanh năm suốt tháng đổ ào ào, chia nước cho những con suối nhỏ rì rào…*  *- Rừng thông: cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.*  *- Bầu trời: không chút gợn mây trong nắng ấm, luôn thẳm xanh một màu ngọc bích; màu trời xanh phản chiếu xuống những mặt hồ …*  *- Những hồ nước: trong suốt như pha lê.* | | | ***Vẻ đẹp do con người tạo nên*** | *Vườn hoa* | *Những hoa muôn hồng ngàn tía* | *Như khoác cho thành phố Đà Lạt xinh đẹp một chiếc* | | *Vườn rau* | *Những vườn rau xanh tươi* | | *Hương hoa lá* | *Hương hoa hòa với hương ngàn thông làm cho không khí Đà Lạt dễ chịu vô cùng* | |   + Trong bài văn, tình cảm của tác giả đối với cảnh vật được thể hiện đan xen trong lời miêu tả, trong lời nhận xét: cảnh đẹp đến nao long, là nơi nghỉ mát lí tưởng, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ, thành phố xinh đẹp, dễ chịu vô cùng,… |
| **3. HĐ luyện tập**  - Mục tiêu:  + Từ việc tìm hiểu bài văn tả cảnh Đà Lạt và những trải nghiệm viết đoạn  văn, bài văn miêu tả, nêu được những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức hoạt động cho HS xác định yêu cầu nhiệm vụ: *Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh*    - GV chia nhóm cho HS thảo luận theo nhóm bốn người.  - GV mời đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét. GV tuyên dương những nhóm làm việc nghiêm túc, đạt hiệu quả; nhắc nhở những nhóm làm việc chưa có hiệu quả.  - GV nhận xét, chốt đáp án:  - GV chiếu phần ghi nhớ lên màn hình:  *Bài văn tả phong cảnh thường gồm 3 phần:*   * *Mở bài: Giới thiệu khái quát về phong cảnh.* * *Thân bài: Tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh.* * *Kết bài: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về phong cảnh.*   - GV yêu cầu HS nhắc lại phần ghi nhớ.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | - HS đọc nhiệm vụ  - HS lắng nghe hướng dẫn của GV.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS chú ý lên màn hình.  - HS đọc kĩ phần ghi nhớ  - HS lắng nghe và tiếp thu. |
| **3. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc và yêu cầu:  *1/ Sưu tầm đoạn văn hoặc bài văn tả phong cảnh (cảnh song suối, ao hồ, biển đảo,…)*  *2/ Tìm đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã.*  + GV tổ chức cho HS trao đổi, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.  + GV mời 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS phát biểu ý kiến.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS chú ý lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**--------------------------------------**

**Tiết 2: Toán**

**BÀI 12: PHÂN SỐ THẬP PHÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được các phân số thập phân và cách đọc, viết các phân số thập phân.

- Nhận biết được có một số phân số có thể viết thành phân số thập phân và biết cách chuyển các phân số đó thành phần số thập phân.

**2. Năng lực**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

- Phát triển các NL toán học.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Phiếu bài tập, bảng phụ, máy tính, máy chiếu

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập (bút, thước, vở ghi, nháp…).

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt dộng của giáo viên** | **Hoạt dộng của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động**  - GV cho HS khởi động theo bài hát. | - HS hát và vận động. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.**  **Mục thiêu: -** Học sinh nhận biết được các phân số thập phân và cách đọc, viết các phân số thập phân. | |
| - Gv tổ chức trò chơi: **Truyền điện**  ***\* Cách chơi:***  - GV đưa hình ảnh khởi động và yêu cầu cầu HS viết các phân số có mẫu số là 10; 100; 1000;...  - GV gọi 1 HS đọc 1 phân số theo yêu cầu. Bạn này trả lời xong sẽ chỉ một bạn khác trả lời. Cứ tiếp tục nhưng vậy cho tới khi nào giáo viên ra hiệu lệnh dừng lại. Bạn nào được chỉ định phải trả lời thật nhanh. Bạn nào trả lời sai thì chịu phạt.  - GV theo dõi HS tham gia trò chơi, ghi một số phân số HS tìm đúng lên bảng  - GV nhận xét hoạt động, hỏi: *Em có nhận xét gì về mẫu số của các phân số vừa tìm?*  - GV nhận xét, giới thiệu: *Các phân số có mẫu số là 10; 100; 1000;...gọi là các* ***phân số* thập phân.**  - GV khuyến khích học sinh viết thêm ví dụ về các phân số thập phân rồi đọc cho bạn nghe.  - GV yêu cầu học sinh nêu cách đọc, viết phân số thập phân.  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức về phân số thập phân | - HS quan sát và lắng nghe luật chơi.  - HS tham gia trò chơi.  - Các phân số đều có mẫu số là 10; 100; 1000;....  - HS lắng nghe.  - HS lấy thêm ví dụ về phân số thập phân.  - Học sinh nêu cách đọc, viết phân số thập phân.  - HS lắng nghe. |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Mục tiêu:** - Học sinh củng cố và luyện tập về cách đọc, viết phân số thập phân; biết được một số phân số có thể chuyển thành phân số thập phân và biết cách chuyển các phân số đó thành phân số thập phân. | |
| **\* Bài 1:(cá nhân)**  - GV gọi HS nêu các yêu cầu bài tập  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân. | - HS nêu yêu cầu bài tập  - HS bài cá nhân vào vở bài tập toán. |
| - GV hướng dẫn HS chia sẻ bài làm với bạn trong nhóm 4. | - HS chia sẻ bài làm với bạn trong nhóm, nhóm trưởng điều hành cho các bạn chia sẻ kết quả sau khi hoàn thành bài. |
| *-* GV gọi 1 HS lên bảng hoàn thành bài vào PHT rồi tổ chức chữa bài.  - GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng.  - GV thống nhất kết quả đúng với cả lớp.  - GV khuyến khích các bạn dưới lớp đặt câu hỏi liên quan đến bài tập để gọi bạn trả lời, qua đó giúp củng cố bài tập thông qua trò chơi **“Tôi hỏi, bạn trả lời”**  Ví dụ:  + Khi đọc các phân số thập phân ở phần a của bài tập, bạn đọc như thế nào?  + Khi viết các phân số thập phân, bạn viết như thế nào?  + Để điền các thẻ ghi phân số thập phân vào vị trí thích hợp trên tia số, bạn làm như thế nào? | - 1 HS lên bảng làm bài.  - HS nhận xét bài làm trên bảng của bạn.  - HS cùng thống nhất kết quả.  - HS tham gia đặt câu hỏi và gọi các bạn trả lời.  + Khi đọc các phân số thập phân ta đọc như các phân số thông thường: Đọc tử số trước rồi đọc “phần”, sau đó đọc đến mẫu số.  + Khi viết các phân số thập phân, ta viết tử số trên gạch ngang, mẫu số viết dưới gạch ngang.  + Để điền các thẻ ghi phân số thập phân vào vị trí thích hợp trên tia số ta cần xác định mỗi vạch phân số tương ứng với 1 số rồi điền các phân số thập phân theo thứ tự tăng dần. |
| - GV nhận xét, tổng kết bài tập. |  |
| **\* Bài 2: (cá nhân)**  - GV gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập  - GV yêu cầu học sinh làm bài vào vở.  - GV gọi 1 HS lên bảng làm bài.  - GV yêu cầu học sinh đổi vở kiểm tra bài làm của bạn.  - GV tổ chức chữa bài.  - GV hỏi: Để nhận biết một phân số có phải là phân số thập phân hay không, ta làm như thế nào?  - GV nhận xét, chốt lại dấu hiệu để nhận biết một phân số là phân số thập phân. | - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS làm bài vào vở bài tập Toán.  - 1 HS lên bảng làm bài.  - HS đổi vở kiểm tra bài bạn.  - HS nhận xét, chữa bài.  - Để nhận biết một phân số là phân số thạp phân, ta làm như sau:  + Quan sát mẫu số của các phân số.  + Lựa chọn các phân số có mẫu số là 10;100; 1000;...  - HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| **\* Bài 3: ( nhóm đôi)**  - GV đưa hai phân số và và hỏi:  Hai phân số có phải là phân số thập phân không? Vì sao?  - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi và tìm các phân số thập phân bằng với hai phân số trên.  - GV đưa mẫu, giới thiệu: Những phân số mới mà chúng ta vừa tìm được bằng với các phân số đã cho chính là các phân số thập phân. Như vậy, từ một phân số bình thường ta có thể chuyển được thành phân số thập phân.  - GV gọi HS đọc mẫu.  - GV yêu cầu HS nêu các cách chuyển một phân số thành phân số thập phân.  - GV gọi HS nhận xét, chốt cách chuyển phân số thành phân số thập phân rồi yêu cầu học sinh làm bài tập 3 vào vở.  - GV gọi 2 HS lên bảng làm bài tập  - GV tổ chức cho HS chia sẻ kết quả bài làm với bạn cùng bàn.  - GV tổ chức chữa bài.  - GV hỏi: Muốn chuyển một phân số thành phân số thập phân, ta làm như thế nào? | - Hai phân số hai phân số và không  phải là phân số thập phân vì mẫu số của các phân số không phải là 10; 100; 1000;...  - HS làm việc nhóm đôi rồi trình bày kết quả và cách làm.  - Lớp nhận xét  - HS quan sát mẫu, lắng nghe.  - HS đọc.  - HS trình bày:  *+ Cách 1:* Tìm một số có thể nhân với mẫu số để được kết quả là 10; 100; 1000;...rồi lấy cả tử số và mẫu số của phân số nhân với số đó để được phân số thập phân.  *+ Cách 2:* Rút gọn phân số để được phân số thập phân.  - HS làm bài vào vở bài tập toán.  - 2 HS lên bảng làm bài.  - HS chia sẻ kết quả bài làm với bạn.  - HS nhận xét, chữa bài.  - Nhân hoặc chia cả tử số và mẫu số của phân số đó với cùng 1 số để được phân số có mẫu số là 10; 100; 1000;… |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm**  **Mục tiêu:** - Củng cố kỹ năng chuyên hỗn số thành phân số và nhận biết phân số thập phân. | |
| **\* Bài 4:**  - GV tổ chức trò chơi: **“Ghép thẻ”**  **- Luật chơi:**  + GV phát cho mỗi nhóm 1 bộ thẻ gồm các phân số thập phân và hỗn số.  + GV yêu cầu các nhóm tìm các cặp thẻ ghi phân số thập phân và hỗn số thích hợp.  + Nhóm nào tìm nhanh và chính xác là nhóm thắng cuộc.  - GV tổ chức cho các nhóm tham gia trò chơi.  - GV hỏi: Để tìm được cặp phân số thập phân và hỗn số thích hợp em đã làm như thế nào?  - GV nhận xét, tổng kết trò chơi.  **\* Củng cố, dặn dò.**  - GV giúp HS củng cố bài học thông qua một số câu hỏi liên quan đến nội dung bài.  - GV nhận xét giờ học, dặn dò HS chuẩn bị cho tiết học sau. | - HS lắng nghe luật chơi.  - Các nhóm tham gia trò chơi.  - Để tìm được cặp phân số thập phân và hỗn số thích hợp em làm như sau:  + Chuyển các hỗn số thành phân số.  + Tìm các phân số thập phân ứng với các hỗn số đó.  - HS lắng nghe, chia sẻ ý kiến.  - HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

---------------------------------------------

**Tiết 3: HĐTN**

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ:**

**SỰ THAY ĐỔI CỦA EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nhận diện được sự thay đổi của bản thân thông qua các tư liệu, các sản phẩm được lưu giữ.

**2. Năng lực**

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

**-** Giới thiệu về bức ảnh kỉ niệm của bản thân.

- Nhận diện những thay đổi của bản thân.

- Đóng kịch về nội dung sự thay đổi của bản thân.

**3. Phẩm chất**

- Tự lực, trách nhiệm: chủ động sắp xếp thời gian và sử dụng thời gian hợp lí, có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.

- Phiếu tổng hợp tư liệu, sản phẩm cá nhân,…

- Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề

**2. Học sinh**

- SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.

- Thực hiện nhiệm vụ trong SBT trước khi đến lớp.

- Đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu:**Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng  - Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi**Em của năm học đã qua.**  - GV phổ biến luật chơi: Giáo viên chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ các thành viên trong nhóm quan sát và nêu ngoại hình và sở thích của bạn trong nhóm trong năm học cũ.  - GV lấy ví dụ để HS hiểu rõ luật chơi:  + Bạn A của năm học cũ để tóc dài, thích chơi cầu lông.  + Bạn B của năm học cũ cắt tóc ngắn, thích chơi đá bóng...  - GV nhận xét, tổng kết trò chơi.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ: Sau khi chơi xong, em đã thấy được những đặc điểm nổi bật gì của bản thân trong năm học cũ?  - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: Trò chơi giúp em nhận biết được những đặc điểm của bản thân trong năm học cũ. Những đặc điểm đó có thể thay đổi với mỗi cá nhân, chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé – **Tuần 5 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Sự thay đổi của em.**  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động 1: Cùng chơi Đố bạn**  **a. Mục tiêu:**Thông qua hoạt động, HS:  - Giới thiệu được về bản thân ở một thời điểm trong quá khứ qua hình ảnh được lưu giữ.  - Thể hiện và trải nghiệm các cảm xúc tích cực khi tham gia trò chơi.  **b. Cách tiến hành:**  - GV giới thiệu cả lớp cùng tham gia trò chơi Đố bạn.  - GV phổ biến cách chơi:  + HS chơi theo nhóm.  + Từng thành viên trong nhóm lấy ngẫu nhiên một bức ảnh đã chuẩn bị và đố các bạn biết bức ảnh chụp hình vào thời điểm nào.  + Các bạn trong nhóm cùng đón thời điểm chụp bức ảnh.  + Chủ nhân của bức ảnh sẽ giới thiệu với các bạn về những kỉ niệm khi chụp bức ảnh đó.  - GV tổ chức cho các nhóm tham gia chơi Đố bạn.  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ cảm xúc khi tham gia trò chơi.  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS.  - GV kết luận: Mỗi người đều lớn dần theo năm tháng và mỗi thời điểm sẽ có những kỉ niệm, sự kiện đáng nhớ. Các bức ảnh chụp trong từng thời điểm có thể giúp chúng ta lưu giữ, nhớ đến bản thân trong những khoảnh khắc hoặc kie niệm quý giá có liên quan.  https://kenhgiaovien.com/sites/default/files/ck5/2024-07/10/image_98be28f8fb0.png  **Hoạt động 2: Nhận diện những thay đổi của bản thân**  **a. Mục tiêu:**Thông qua hoạt động, HS nhận diện được sự thay đổi của bản thân (về ngoại hình, sở thích, ước mơ, tính cách...) ở thời điểm hiện tại so với trước đây.  **b. Cách tiến hành:**  **Mô tả sự thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây.**  - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân mô tả sự thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây về:  + Ngoại hình: chiều cao, cân nặng, vóc dáng...  + Sở thích.  + Ứơc mơ.  + Tính cách.  + Năng lực tham gia tổ chức các hoạt động.  - GV hướng dẫn HS ghi lại ra giấy sự thay đổi của bản thân.  - GV khuyến khích HS trình bày bằng cách liệt kê các gạch đầu dòng hoặc sơ đồ tư duy.  - GV mời HS chia sẻ.  - GV nhận xét, tuyên dương.  \* Củng cố, dặn dò.  - Nhận xét tiết học.  - Dặn HS về nhà học bài. | - HS lắng nghe.        - HS trả lời câu hỏi.          - HS lắng nghe và tiếp thu.        - HS lắng nghe GV giới thiệu bài học.                  - HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe.    - HS tham gia chơi.  - HS chia sẻ.    - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.                          - HS làm việc cá nhân.                - HS ghi chép.    - HS tham khảo.      - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**------------------------------------------------------**

**Buổi chiều**

**Tiết 1: Khoa học**

**ÔN TẬP CHỦ ĐỀ CHẤT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Trong bài học này, HS sẽ ôn tập những kiến thức đã học về chủ đề Chất:

- Đất: một số thành phần của đất, vai trò của đất đối với cây trồng ; nguyên nhân, tác hại của ô nhiễm, xói mòn đất và biện pháp phòng chống ô nhiễm, xói mòn đất.

- Chất : hỗn hợp và dung dịch; một số đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí; sự biến đổi trạng thái của chất; sự biến đổi hóa học của chất.

**2. Năng lực**:

***-*** *Năng lực tự chủ và tự học:* Tích cực, chủ động ôn tập, củng cố các kiến thức đã học trong chủ đề Chất.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả nhóm.

*- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Vận dụng kiến thức đã học về sự biến đổi của chất để giải thích các hiện tượng trong thực tiễn cuộc sống.

***Năng lực khoa học tự nhiên:***

- Hệ thống được nội dung đã học về chủ đề Chất.

**3. Phẩm chất**:

*- Nhân ái*: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*- Chăm chỉ*: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên:**

- Giáo án, máy tính, máy chiếu.

- Phiếu điều tra.

**2. Đối với học sinh:**

- SGK, VBT và đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Hoạt động khởi động**  **a. Mục tiêu:** HS hứng thú bắt đầu vào bài học.  **b. Cách tiến hành:**  - GV yêu cầu HS:  + *Thảo luận nhóm đôi, nhắc lại cho nhau nghe những nội dung đã được học trong chủ đề.*  *+ Em học được gì từ chủ đề Chất? Điều gì làm em thích nhất khi tìm hiểu về chủ đề này?*  - GV dẫn dắt vào bài học mới: *Hôm nay chúng ta sẽ ôn tập lại những nội dung đã được học trong chủ đề Chất. Chúng ta cùng vào* *bài* ***Ôn tập chủ đề Chất.***  **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: Ôn tập kiến thức**  **a. Mục tiêu:** HS củng cố, ôn tập, khái quát hóa kiến thức về chủ đề Chất.  **b. Cách tiến hành:**  - GV chia lớp thành các nhóm 4, yêu cầu HS tham khảo sơ đồ gợi ý trong SGK trang 23 để vẽ hoặc viết những điều đã học được từ chủ đề Chất.    - GV hướng dẫn, gợi mở để HS nhớ lại các kiến thức cốt lõi đã được học qua chủ đề Chất.  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để hoàn thành sơ đồ trên giấy khổ lớn.  - GV khuyến khích HS sử dụng kĩ năng vẽ, viết bằng sơ đồ tư duy theo các cách sáng tạo khác nhau để HS có sản phẩm vừa khái quát được các kiến thức cốt lõi của chủ đề Chất vừa có tính thẩm mĩ.  - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình.  - GV nhận xét, tổng kết và nhắc lại:  *+ Thành phần và vai trò của đất.*  *+ Ô nhiễm, xói mòn và bảo vệ môi trường đất.*  *+ Sự biến đổi của chất.*  *+ Các tính chất của hỗn hợp và dung dịch.*  - GV tổ chức cho các nhóm HS báo cáo bài trình bày về hoạt động bảo vệ môi trường đất (hoạt động 8, Bài 1).  - GV nhận xét, tuyên dương  **Hoạt động 2: Tìm hiểu các biến đổi của chất**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức về sự biến đổi của chất để giải thích các hiện tượng trong thực tiễn cuộc sống.  **b.** **Cách tiến hành:**  - GV chia lớp thành các nhóm 4.  - GV tổ chức cho HS quan sát Hình 1 và Hình 2.    - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi: *Nêu sự biến đổi trạng thái và sự biến đổi hóa học diễn ra ở Hình 1 và 2. Giải thích.*  - GV mời đại diện 2 - 3 nhóm lên chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, tuyên dương  **3. Hoạt động luyện tập**  **a. Mục tiêu:** HS củng cố lại các kiến thức đã học về Chất.  **b. Cách thức thực hiện:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò *trắc nghiệm*.  - GV nêu luật chơi:  *+ GV chiếu câu hỏi, sau khi GV đọc xong câu hỏi, GV chiếu các đáp án.*  *+ Theo hiệu lệnh của GV giơ thẻ đáp án của nhóm mình.*  ***Câu 1:*** *Thành phần nào của đất có nguồn gốc từ xác sinh vật bị phân hủy?*  *A. Mùn.*  *B. Khoáng.*  *C. Nước.*  *D. Không khí.*  ***Câu 2:*** *Nguyên nhân gây ô nhiễm đất trong hình dưới đây là gì?*  Rác thải nhựa trên thế giới đang hủy hoại trái đất như thế nào?  *A. Đất nhiễm chất độc hại do thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp.*  *B. Đất chứa nhiều rác thải sinh hoạt khó phân hủy.*  *C. Đất nhiễm mặn.*  *D. Đất chứa chất thải công nghiệp.*  ***Câu 3:*** *Dấu hiệu nào dưới đây* ***không*** *phải của sự biến đổi hóa học?*  *A. Biến đổi hình dạng, giữ nguyên tính chất.*  *B. Biến đổi màu sắc.*  *C. Thay đổi mùi vị.*  *D. Có khí được tạo thành.*  ***Câu 4:*** *Hỗn hợp nào sau đây là dung dịch?*  *A. Đường và muối*  *B. Cát và nước.*  *C. Dầu và nước*  *D. Muối và nước.*  ***Câu 5:*** *Trường hợp nào dưới đây xảy ra quá trình đông đặc?*  *A. Nước → đá.*  *B. Hơi nước → nước.*  *C. Nước → hơi nước.*  *D. Đá → nước.*  - Với mỗi câu hỏi, GV mời hs trả lời đúng giải thích tại sao các đáp án còn lại sai. GV chốt lại đáp án sau mỗi câu hỏi.  - GV nhận xét tuyên dương.  **4. Hoạt động vận dụng**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng nêu được kiến thức đã học để lí giải một số hiện tượng trong cuộc sống.  **b. Cách thức thực hiện**:  - GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân, trả lời câu hỏi: *A đun nóng đáy ống nghiệm đựng đường. Đường nóng chảy chuyển thành dung dịch trong suốt. Đun nóng thêm một thời gian nữa, dung dịch chuyển dần thành chất màu đen là than, đồng thời có những giọt nước ngưng tụ trên thành ống nghiệm. Em hãy cho biết đường đã có những sự biến đổi nào?*  - GV nhận xét, tuyên dương HS  **\* Củng cố**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học  **\* Dặn dò**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Làm bài tập trong VBT.  - Hoàn thiện các sản phẩm học tập ở trên để trưng bày ở góc sáng tạo của lớp.  - Đọc và chuẩn bị trước bài sau ***– Bài 5. Năng lượng và năng lượng chất đốt.*** | - HS thảo luận nhóm, nhắc lại những nội dung đã học trong chủ đề:  *+ Đất và bảo vệ môi trường đất.*  *+ Hỗn hợp và dung dịch.*  *+ Sự biến đổi trạng thái của chất.*  *+ Sự biến đổi hóa học của chất.*  *+ HS trả lời*  - HS lắng nghe, ghi tên bài mới.    - HS lắng nghe yêu cầu của GV.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn.  - HS làm việc nhóm.  - HS chia sẻ sản phẩm lên bảng.  - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét  - HS lắng nghe, ghi nhớ  - HS trình bày báo cáo của cả nhóm.  - HS lắng nghe, phát huy.  - HS quan sát hình.  - HS lắng nghe yêu cầu của GV.  - HS làm việc nhóm  - HS trình bày:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Hình* | *Sự biến đổi trạng thái* | *Sự biến đổi hóa học* | | *1* | *Cây nến rắn có một phần chuyển thành trạng thái lỏng, chảy dọc theo thân nến xuống.* | *Nến cháy tạo ngọn lửa làm cả nến và không khí xung quanh nóng lên, tỏa sáng, có khí bay ra, thân nến ngắn dần.* | | *2* | *Trứng từ trạng thái lỏng chuyển sang trạng thái rắn.* | *Trứng thay đổi mùi vị, màu sắc (trứng chín, có thể ăn được).* |   - HS nhận xét  - HS lắng nghe, chữa bài.  - HS lắng nghe GV phổ biến luật chơi.  - HS tích cực tham gia trò chơi.  *Câu 1. A.*  *Câu 2. B.*  *Câu 3. A.*  *Câu 4. D.*  *Câu 5. A.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS làm bài tập theo gợi ý và trình bày trước lớp.  *+ Giai đoạn đường chảy thành dung dịch trong suốt xảy ra sự biến đổi trạng thái (đường từ trạng thái rắn chuyển sang trạng thái lỏng).*  *+ Giai đoạn đường chuyển thành than và có nước ngưng tụ xảy ra sự biến đổi hóa học (chất mới tạo thành là than và nước).*  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS chú ý, thực hiện theo yêu cầu của GV. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tiết 2:**

**Bài 5: NĂNG LƯỢNG VÀ NĂNG LƯỢNG CHẤT ĐỐT**

**( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được một số nguồn năng lượng thông dụng và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hàng ngày.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự học: HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin trong SGK, tìm kiếm thông tin qua sách báo, internet.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất yêu nước: HS có ý thức bảo vệ môi trường .

- Phẩm chất chăm chỉ: HS ham tìm hiểu, học hỏi.

- Phẩm chất trung thực: Trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Tranh ảnh, clip sưu tầm thêm về các nguồn năng lượng, về sử dụng năng lượng chất đốt.

**2. Học sinh**

- SGK, VBT và đồ dùng học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động khởi động**  **a) Mục tiêu:**  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  **b) Cách thực hiện:** | |
| - GV cho HS hát và vận động theo nhạc bài hát Cho tôi đi làm mưa với.  - GV yêu cầu HS nêu ý kiến trả lời câu hỏi: Một căn phòng đang tối, nêu cách đề làm căn phòng sáng lên.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS hát và vận động theo nhạc.  - HS chia sẻ trước lớp: dùng đèn/nến thắp sáng, bật đèn, ...  - HS lắng nghe. |
| **B. Khám phá kiến thức mới**   1. **Năng lượng**   ***Hoạt động 1: Tìm hiểu về nguồn năng lượng cho hoạt động của con người, máy móc, phương tiện***  **a) Mục tiêu:** Nêu và trình bày được một số nguồn cung cấp năng lượng thông dụng.  **b) Cách thực hiện:** | |
| Bước 1. Làm việc cá nhân   * GV yêu cầu HS quan sát các hình từ 1 đến 6, trang 24 SGK, xác định ở mỗi hình nguồn năng lượng cho phương tiện, máy móc, hoạt động của con người.   *Bước 2. Làm việc cả lớp*  – GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả, các HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, kết luận  Thức ăn cung cấp năng lượng làm tay ta hoạt động đưa thức ăn vào miệng/ đưa quần áo lên cao.  Mặt tr*ờ*i tỏa nhiệt tạo ra năng lượng làm quần áo khô.  Điện do các nhà máy cung cấp năng lượng làm cho quạt quay.  Nước chảy tạo ra năng lượng làm tua bin quay.  Gió thoi tạo ra năng lượng đẩy thuyền đi  Xăng bị đốt cháy sinh ra năng lượng làm xe di chuyển được.  - GV yêu cầu HS làm câu 1, Bài 5 VBT.  – GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Chìa khoá, trang 25 SGK. | - HS quan sát tranh và làm việc cá nhân   * HS nối tiếp nêu:   + Hình 1:Con người ăn cơm. Năng lượng từ thức ăn.  + Hình 2: Bạn nho phơi quần áo nhờ năng lượng từ thức ăn. Quần áo kho nhờ năng lượng mặt trời.  + Hình 3: Quạt quay nhờ năng lượng điện.  + Hình 4: Bánh xe nước quay được nhờ năng lượng nước chảy.  + Hình 5: Thuyền di chuyển nhờ năng lượng gió.  + Hình 6: Xe máy hoạt động được nhờ năng lượng xăng (chất đốt).   * HS lắng nghe * HS làm bài   - HS đọc thầm, 2 HS đọc trước lớp |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **a) Mục tiêu:** HS trình bày được việc sử dụng một số nguồn năng lượng thông dụng trong cuộc sống hàng ngày.  **b) Cách thực hiện** | |
| - GV yêu cầu HS nêu một số nguồn năng lượng thông dụng ở địa phương em và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hằng ngày, sau đó cho HS chia sẻ trước lớp về kết quả.  − GV yêu cầu HS làm các câu 2, 3 Bài 5 VBT. | - HS làm việc cặp đôi và chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  Pin, than, củi, ga, xăng dầu, rơm, rạ, .....  - HS làm bài |
| **D. Hoạt động vận dụng**  **a) Mục tiêu:**  - HS củng cố kiến thức sau bài học.  - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau bài học.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - GV cho HS chia sẻ trước lớp:  **+** Kể tên cácnguồn cung cấp năng lượng cho hoạt động của con người, máy móc, ....  - GV cho nhận xét, tuyên dương HS tích cực tham gia các hoạt động học tập.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS chia sẻ trước lớp:  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

..................................................................................................................................

**-------------------------------------------**

***Thời gian thực hiện: Thứ tư, ngày 09/10/2024***

**Buổi sáng**

**Tiết 2+3: Tiếng Việt**

**ĐỌC:** **Bài 10: KÌ DIỆU RỪNG XANH (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài Kì diệu rừng xanh. Biết đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của rừng.

- Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản Kì diệu rừng xanh. Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hóa,… góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của rừng. Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, biết tóm tắt và hiểu được điều tác giả muốn gửi gắm qua câu chuyện.

**2. Năng lực**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Biết bảo vệ môi trường sống làm đẹp môi trường xung quanh chúng ta.

- Biết yêu thiên nhiên, cảm nhận vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Giáo án, SGK, SGV Tiếng Việt 5.

- Tranh ảnh minh họa bài đọc.

- Tranh, ảnh, bài thơ, bài văn,…về thiên nhiên, cuộc sống.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Học sinh**

- SGK Tiếng Việt 5.

- Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV cho HS xem 1 video bài hát “Ta đi vào rừng xanh”  - GV yêu HS làm việc theo nhóm đôi và thảo luận: **Theo em chúng ta cần làm gì để bảo vệ môi trường sống của chúng ta?**  - GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS: Chúng ta cần phải tích cực trồng cây, không vứt rác bừa bãi, lên án các hành động chặt phá rừng hủy hoại môi trường...  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa SGK tr.51, dẫn dắt và giới thiệu bài đọc:  **Bài Kì diệu rừng xanh tiếp tục nói về thế giới thiên nhiên kì thú: đó là cảnh rừng xanh với những cảnh sắc tươi đẹp, thơ mộng, đáng yêu. Các em hãy quan sát tranh minh hoạ và đọc bài để cảm nhận vẻ đẹp của rừng.** | - Hs lắng nghe bài hát  - HS làm việc nhóm đôi.  - HS trình bày ý kiến trước lớp, các HS khác lắng nghe.  - HS quan sát, tiếp thu.  - HS quan sát tranh minh họa, lắng nghe và tiếp thu. |
| **2. HĐ khám phá.**  - Mục tiêu: HS nhận biết cách đọc và được luyện đọc đúng và diễn cảm bài Kì diệu rừng xanh, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của cây cỏ, muông thú trong rừng.  - Cách tiến hành: | |
| **2.1. Luyện đọc**  - GV đọc mẫu lần 1:  - GV HD đọc: Giọng đọc chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của cây cỏ, muông thú trong rừng.  - GV chia đoạn: 3 đoạn:  + Đoạn 1: Từ đầu đến “lúp xúp dưới chân”.  + Đoạn 2: Tiếp đến “đưa mắt nhìn theo”.  + Đoạn 3: Còn lại.  – GV hướng dẫn đọc:  + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, Ví dụ: loanh quanh, nấm dại, lúp xúp, lâu đài, ánh nắng,...  + Đọc diễn cảm, ngắt nghỉ phù hợp, Ví dụ:  Tôi có cảm giác/ mình là một người **khổng lồ**/ đi lạc vào kinh đô của vương quốc những **người tí hon**.  Những con vượn bạc má ôm con gọn ghẽ chuyền **nhanh như tia chớp**. Những con chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp **vút qua** không kịp đưa mắt nhìn theo.  + ...  – GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp. | - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.  - HS quan sát  - HS đọc từ khó.  - HS diễn cảm  - HS lắng nghe |
| **2.2. Tìm hiểu bài**  - Mục tiêu:  + HS biết cách trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, biết dựa vào lời văn để cảm nhận được nội dung chính của bài đọc – vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả.  + Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá... góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của rừng  - Cách tiến hành: | |
| **Hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:**  - GV hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển để hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài.  Ví dụ:  + Rừng khộp: còn gọi là rừng thưa với những cây lá rộng, rụng lá vào mùa khô.  + Mang (hoẵng): loài thú cùng họ với hươu, nai, sừng nhỏ, có hai nhánh; lông màu vàng đỏ.  +...  **- Hướng dẫn trả lời các câu hỏi đọc hiểu**  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,…  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Vì sao nhân vật “tôi” có cảm giác đi lạc vào kinh độ của vương quốc những người tí hon?  + Câu 2: Muông thú trong rừng được miêu tả như thế nào? Theo em, sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp gì cho rừng?  + Câu 3: Vì sao cảnh vật rừng khộp được gọi là “giang sơn vàng rợi”?  + Câu 4: Dựa vào nội dung đã tìm hiểu, em hãy đặt tên cho mỗi đoạn trong bài.  - GV mời HS nêu nội dung bài.  - GV nhận xét và chốt: **Bài đọc cho thấy sự kì diệu của rừng xanh, ở nơi đó có những sự vật rất sinh động. Qua đó, ta thấy được tình yêu dành cho thiên nhiên của tác giả.** | -HS lắng nghe GV giải thích để hiểu nghĩa của từ ngữ. Có thể tra từ điển.  + Nhân vật tôi bị cuốn hút bởi những cây nấm trong rừng, những cây nấm to khác thường (bằng cái ấm tích). Những vạt nấm dại đủ màu sắc rực rỡ, hình dáng của những cây nấm trông như những đền đài, miếu mạo, lâu đài, cung điện... của người tí hon. Nhân vật tôi bỗng dưng trở thành “người khổng lồ” ở vương quốc ấy.  + Muông thú trong rừng được miêu tả: Những con vượn bạc má ôm con gọn ghẽ chuyền nhanh như tia chớp. Những con chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp vút qua không kịp đưa mắt nhìn theo. Mấy con mang vàng hệt như màu lá đang ăn cỏ non.  **=> Muông thú thoắt ẩn, thoắt hiện làm cho cảnh rừng thêm sống động, bất ngờ, bí ẩn.**  - Nơi đây được gọi là “giang sơn vàng rợi” vì có sự cộng hưởng (kết hợp, tụ hội) của nhiều sắc vàng trong một không gian rộng lớn: lá vàng trên cây, lá vàng rụng dưới gốc, những con mang có bộ lông vàng nâu quyện hoà với ánh nắng vàng,...    - HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình.  - HS lắng nghe và ghi nhớ |
| **2.3. Luyện đọc lại.**  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc:  + Đọc diễn cảm một số câu văn miêu tả cảnh đẹp núi rừng và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả.  \* Làm việc cả lớp:  + GV mời đại diện 2 – 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.  + GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.  \* Bình chọn nhóm đọc hay nhất  - GV mời đại diện 1 HS đọc diễn cảm toàn bài trước lớp. | - HS lắng nghe  + HS nối tiếp đoạn.  + Một số HS đọc diễn cảm trước lớp. |
| **3. Luyện tập**  - Mục tiêu: giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu BT1, 2:  Bài 1: Trong bài Kì diệu rừng xanh, những sự vật nào của tự nhiên được quan sát và miêu tả?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Về thực vật | Về động vật | Về hiện tượng tự nhiên |   Bài 2: Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ dưới đây. Đặt câu với từ em tìm được.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Gọn ghẽ | Tí hon | Thưa thớt |   + GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức nhóm đôi.  + GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả, các nhóm HS lắng nghe và nhận xét.  + GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án:  Bài 1:  - Về thực vật: vạt nấm dại, rừng khộp (rừng thưa lá rộng), vạt cỏ xanh.  - Về động vật: những con vượn bạc má, những con chồn sóc.  - Về hiện tượng tự nhiên: nắng  Bài 2:  - Gọn ghẽ: gọn gàng, gọn. VD: Em dọn nhà gọn gàng, ngắn nắp.  - Tí hon: tí xíu, bé xíu,…VD: Những chú kiến nhỏ tí xíu tha hạt vừng về tổ.  - Thưa thớt: lưa thưa, lơ thơ. VD: Sau trận lũ, vườn chỉ còn vài gốc cây lưa thưa. | - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS trình bày kết quả.  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu. |
| **4. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV có thể khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài đọc.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi các em có  nhiều cố gắng hoặc có nhiều đóng góp để tiết  học hiệu quả.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………....

**----------------------------------------------------**

***Thời gian thực hiện: Thứ năm, ngày 10/10/2024***

**Buổi sáng**

**Tiết 3: Tiếng Việt**

**Tiết 3: VIẾT**

**TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH ( Tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được cách viết bài văn tả phong cảnh (tả cảnh vật theo trình tự thời gian hoặc theo những thời điểm khác nhau), viết được mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh đã được đọc.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu bài văn tả phong cảnh, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết lắng nghe ý kiến của bạn nêu để xem xét và thống nhất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- SGK và các đồ dùng học tập liên quan đến bài học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Hoạt động khởi động**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| **-** GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức bài văn tả phong cảnh.  - GV nhắc lại kiến thức cũ và giới thiệu bài học mới:  + Nhắc lại kiến thức bài cũ:  Bài văn tả phong cảnh thường có 3 phần:  **Mở bài:** Giới thiệu khái quát về phong cảnh.  **Thân bài:** Tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh.  **Kết bài:** Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về phong cảnh.  + GV giới thiệu bài học mới: Ở tiết học trước, chúng ta đã đi tìm cấu tạo của bài văn tả phong cảnh. Trong tiết học này, HS sẽ tiếp tục tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh bằng một cách khác. | - HS phát biểu ý kiến.  - HS lắng nghe, tiếp thu  - HS lắng nghe, tiếp thu. | |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành**  - Mục tiêu:  + Biết cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo trình tự thời gian) với bố cục 3 phần và các nội dung của mỗi phần khi tả cảnh theo thời gian.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | |
| **-** GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu của BT1: Đọc bài văn dưới đây và trả lời câu hỏi:  **Bốn mùa trong ánh nước**  Hồ Hoàn Kiếm là nơi quen thuộc với rất nhiều người. Cảnh đẹp lộng lẫy từ ngọn cỏ, hàng cây cho tới nước hồ trong xanh gợn sóng.  Mùa hè, sau những cơn mưa rào, nước hồ đầy lên, màu nước như bớt xanh hơn. Trong dông gió, hồ nổi sóng. Nhưng dông gió đến đâu thì mặt hồ vẫn chỉ lăn tăn sóng gợn, trầm mặc giữa thinh không, soi bóng những áng máy nổi rồi lại tan.  Về mùa đông, nước hồ cạn di, sâu xuống, chân cầu Thê Húc bỗng cao hơn, lênh khênh. Trong cái lạnh bao trùm phố phường Hà Nội, nước hồ lặng trong sương, một màn sương trong nhẹ và mỏng như khăn voan. Hồ hiện ra vẻ cổ kính với những cành khô lá vàng in bóng xuống mặt nước lặng thinh.  Có lẽ tưng bừng nhất là vào dịp tết Nguyên dán, hồ được trang điểm lộng lẫy bởi đèn đủ màu, cờ bay phất phới và hoa rực rỡ. Trong mưa bay, người người đi trẩy hội. Ngàn vạn tiếng rao, tiếng mời chào của người bán hàng rong cất lên như chim hót mùa xuân.  Nhưng hồ Hoàn Kiếm đẹp hơn cả là về mùa thu. Mùa thu Hà Nội dường như không có gió lớn, đủ để nước hồ lắng sâu. Ánh nắng mùa thu lại tươi nên mặt hồ ngời lên như ánh mắt thanh xuân. Những cây liễu bên hồ xanh mướt, lá bay dịu dàng như mái tóc thiếu nữ. Những cây đa cổ thụ xanh tốt và tráng kiện như những lão tướng, hàng rễ rủ như những bộ râu oai hùng. Trong đền Ngọc Sơn có nhiều tiếng chim ríu rít, tiếng hót của chim non, của ước mơ bay bổng.  Từng ánh nước của hồ Hoàn Kiếm có biết bao người đã ngắm, từng bóng cây nơi này có biết bao người đã ngồi hóng mát, nghỉ ngơi và thầm nghĩ về cuộc sống của mình ở một góc nhỏ nào trên trái đất này.  (Theo Lê Phương Liên)  a. Bài văn trên tả phong cảnh ở đâu?  b, Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn và nêu ý chính của từng phần.  c. Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào những thời gian nào? Những từ ngữ nào giúp em nhận ra trình tự đó?  d. Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được đặc điểm gì của cảnh hồ Hoàn Kiếm?  **-** GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu của BT2:  Em học được những gì về cách miêu tả phong cảnh từ bài văn trên?    + GV cho HS thảo luận, tìm ý trả lời theo hướng dẫn.  + GV gọi 1 – 2 HS trình bày ý kiến.  + GV nhận xét, chốt đáp án:  - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ BT3: So sánh trình tự miêu tả của bài Bốn mùa trong ánh nước với bài Đà Lạt.  + GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi, trình bày ý kiến.  + GV gọi 1 – 2 HS trình bày kết quả của nhóm, các nhóm HS khác lắng nghe và nhận xét.  + GV nhận xét, chốt đáp án:  - Bài Đà Lạt: tả theo trình tự không gian, tả từng bộ phận/ từng vẻ đẹp của phong cảnh.  - Bài Bốn mùa trong ánh nước: tả theo trình tự thời gian 4 mùa, mỗi mùa hiện ra trong trí nhớ/ kí ức. Mùa yêu thích nhất được nhắc đến sau cùng.  - GV chiếu phần ghi nhớ lên màn hình:  - Ngoài cách tả lần lượt từng phần, từng vẻ đẹp của phong cảnh, có thể tả phong cảnh theo trình tự thời gian (theo các mùa trong năm, theo các buổi trong ngày, theo sự đổi thay của cảnh qua năm tháng,…) hoặc phối hợp cả hai cách để miêu tả.  - GV yêu cầu HS đọc kĩ phần ghi nhớ.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | | - HS đọc nhiệm vụ BT  - Bài văn tả phong cảnh hồ Hoàn Kiếm.  - Bài văn có 6 đoạn văn.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Mở bài | Đoạn 1 | Giới thiệu tên cảnh vật (hồ Hoàn Kiếm) và nhận xét bao quát về cảnh vật (cảnh đẹp, quen thuộc với nhiều người). | | Thân bài | Đoạn 2, 3, 4, 5 | Miêu tả đặc điểm của phong cảnh trong những thời gian khác nhau. | | Kết bài | Đoạn 6 | Khẳng định phong cảnh hồ Hoàn Kiếm đã in sâu trong tâm trí của nhiều người. |   c. Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được miêu tả lần lượt theo các mùa: mùa hè, mùa đông, mùa xuân, mùa thu. Từ ngữ giúp nhận ra thời gian các mùa:   |  |  | | --- | --- | | Mùa hè | Mùa hè, những cơn mưa rào, đông gió | | Mùa đông | Mùa đông, cái lạnh bao trùm, màn sương | | Mùa xuân | Dịp tết Nguyên đán, mưa bay, trẩy hội, chim hót mùa xuân | | Mùa thu | Mùa thu, mùa thu Hà Nội, ánh nắng mùa thu |   d. Tả phong cảnh theo mùa, tác giả đã giúp người đọc cảm nhận được nhiều vẻ đẹp, nhiều đặc điểm của hồ Hoàn Kiếm (theo hành trình cả năm). Theo tác giả, cảnh Hồ Hoàn Kiếm đẹp nhất vào mùa thu nên nhà văn đã tả đặc điểm hồ Hoàn Kiếm vào mùa thu sau cùng.  - HS đọc nhiệm vụ của BT.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS phát biểu ý kiến.  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS phát biểu ý kiến.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS theo dõi ghi nhớ.  - HS đọc kĩ ghi nhớ.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |
| **3. HĐ vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Giúp HS nhớ được những điều học tập được từ 2 tiết tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh đã học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV khích lệ HS thực hiện 1 trong các yêu cầu sau:  (1) Nêu điều em học tập được từ 2 tiết học tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh.  (2) Nếu viết bài văn tả phong cảnh, em chọn tả phong cảnh gì, phong cảnh đó ở đâu? Em sẽ tả phong cảnh đó theo trình tự nào.  - GV dặn dò hs về nhà. | - HS có thể phát biểu theo ý kiến của cá nhân.  - HS lắng nghe | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**------------------------------------------------**

**Tiết 4: Toán**

**BÀI 13: SỐ THẬP PHÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được khái niệm số thập phân (dạng phần mười); biết đọc, viết số thập phân (dạng phần mười).

- Thực hiện được chuyển các phân số thập phân thành số thập phân và ngược lại. Làm quen với việc ghi số đo đại lượng (độ dài) bằng việc sử dụng số thập phân.

**2. Năng lực**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Phiếu bài tập, bảng phụ, máy tính, máy chiếu (nếu có).

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập (bút, thước, vở ghi, nháp…).

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động** | |
| - GV yêu cầu mỗi nhóm cử đại diện đọc nối tiếp các phân số thập phân có mẫu số là 10. | - HS lắng nghe yêu cầu. |
| - GV tổ chức cho HS đọc trước lớp. | - Đại diện từng thành viên bắt đầu đọc phân số thập phân mà mình tìm được. |
| - Giới thiệu bài mới. |  |
| - GV yêu cầu HS xem tranh, nhận biết các phân số thập phân trong hình vẽ. | - Ví dụ: Trên hình vẽ biểu diễn các phân số ; |
| - GV nhận xét, tổng kết hoạt động. | - HS nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Mục tiêu: -** Học sinhnhận biết được khái niệm số thập phân (dạng phần mười); biết đọc, viết số thập phân (dạng phần mười). | |
| **a) Nhận biết số thập phân (dạng phần mười):** |  |
| **-** GV đưa phân số thập phân , yêu cầu HS đọc theo nhóm. | - HS làm việc trong nhóm, nhóm trưởng tổ chức cho các thành viên chia sẻ với bạn: |
|  | được viết thành 0,1  0,1 đọc là “không phẩy một”.  0,1 =  Số 0,1 gọi là số thập phân. |
| - GV yêu cầu 1 nhóm chia sẻ trước lớp. | - Đại diện nhóm chia sẻ. |
| - Thực hiện tương tự với phân số thập phân | được viết thành 0,3  0,3 đọc là “không phẩy ba”.  0,3 =  Số 0,3 gọi là số thập phân. |
| **b) GV cho HS quan sát bảng và nhận biết:** |  |
| - GV hướng dẫn HS nhận biết về cấu tạo số thập phân 0,1 và 0,3 qua bảng cấu tạo sgk/35. | - HS lắng nghe. |
| - GV hướng dẫn HS nhận biết về cấu tạo số thập phân 0,01 và 0,23 qua bảng cấu tạo sgk/38. | - 1HS đọc số, cả lớp nghe, nhận xét. |
| - GV hỏi: Số thập phân 0,1 gồm mấy phần?  - ***GV giới thiệu thêm***: *Có thể nói, trong cách ghi số thập phân, người ta dùng dấu phẩy tách phần đơn vị (phần nguyên) với các phân nhỏ hơn đơn vị.* | - STP gồm 2 phần: Phần nguyên và phần thập phân, được ngăn cách nhau bởi dấu phẩy. |
| - GV hỏi:  + Trong số 0,1 thì chữ số 0 thuộc hàng nào? | - HS trả lời:  + Chữ số 0 thuộc hàng đơn vị |
| + Trong số 0,1 thì chữ số 1 thuộc hàng nào? | + Chữ số 1 thuộc hàng phần mười |
| + Nêu giá trị từng hàng của số thập phân 0,3. | + Chữ số 0 thuộc hàng đơn vị, chữ số 3 thuộc hàng phần mười. |
| **c) GV cho HS quan sát tia số và yêu cầu học sinh thực hiện:** |  |
| + Đọc các số ở phía trên của tia số sau đó đọc các số ở phía dưới của tia số.  +Xác định: mỗi vạch ứng với 0,1 đơn vị.  - GV hỏi: *Các số được viết lần lượt theo thứ tự như thế nào?* | - HS thực hiện theo yêu cầu.  - Các số được viết lần lượt theo thứ tự tăng dần. |
| * GV có thể cung cấp về thứ tự các số thập phân | * HS lắng nghe. |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành.**  **Mục tiêu: -** Học sinh củng cố cách chuyển các phân số thập phân thành số thập phân và ngược lại. Làm quen với việc ghi số đo đại lượng (độ dài) bằng việc sử dụng số thập phân. | |
| **\* Bài 1: ( cá nhân)**  - GV hướng dẫn HS tiến hành các thao tác:  + Quan sát, phân tích mẫu.  + Nhận biết phần tô màu rồi viết phân số thập phân và số thập phân tương ứng.  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân | - HS thực hiện các thao tác theo hướng dẫn của GV:  + Băng giấy có 10 ô vuông, được tô màu 2 ô vuông.  + Phân số thập phân thể hiện phần được tô màu là = 0,2.  - HS tự làm bài, sau đó đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm và thống nhất kết quả theo nhóm đôi:  5/10 = 0,5 6/10 = 0,6 |
| GV gọi HS đọc các phân số thập phân và số thập phân vừa có được. | - 2 cặp đôi đứng lên đọc kết quả trước lớp |
| - GV nhận xét kết quả bài làm của HS. | - HS lắng nghe. |
| **\* Bài 2: ( cá nhân)** |  |
| - GV yêu cầu HS đọc đề bài câu a và b. | - HS đọc |
| + Quan sát, phân tích mẫu | - 3 HS đọc: Mẫu: = 0,7 |
| + Viết số thập phân thành phân số thập phân, đọc số thập phân đó | - HS tự làm bài, sau đó đọc bài làm nối tiếp trước lớp  = 0,4 = 0,9  = 0,6 = 0,5 |
| - GV gọi 1 HS đọc to số trong câu c, cả lớp viết số đó vào bảng con và giơ kết quả sau 3 giây.  **\* Bài 3: (nhóm đôi)**  - GV tổ chức cho HS quan sát, phân tích mẫu. | - HS nghe và thực hiện theo yêu cầu.  - HS đọc: Mẫu: 0,4 = |
| - GV gọi HS nêu phần nguyên và phần thập phân của số đã cho. | - Số thập phân 0,4 có phần nguyên là 0, phần thập phân là 4. |
| - GV giới thiệu: *Khi chuyển số thập phân 0,4 thành phân số: tử số chính là chữ số ở hàng phần mười, mẫu số là 10.* |  |
| - GV chụp bài làm HS và trình chiếu, gọi nhận xét và thống nhất kết quả. | - HS tự làm bài:  0,6 = 0,2 =  0,9 = 0,1 = |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm**  **Mục tiêu: -** Giúp HS giải quyết được vấn đề thực tiễn thông qua bài toán. | |
| **Bài 4:** |  |
| - GV yêu cầu HS quan sát thước thang và đối chiếu với số liệu đã cho đề nhận biết về số đo chiều dài của mỗi con vật.  - GV hướng dẫn HS hoàn thành các yêu cầu của bài tập  + Chuyển phân số thập phân thành số thập phân.  + Nêu số thập phân thích hợp cho ô trống.  - GV tổ chức chữa bài. | - HS nêu số đo của từng con vật và đối chiếu với số liệu: Con kiến dài: cm; con bọ rùa dài: cm.   * HS thực hiện yêu cầu vào vở.   - 2 HS đọc kết quả của mình |
| **\* Củng cố, dặn dò** |  |
| - GV hỏi: *Tiết học vừa rồi chúng ta đã học được những nội dung gì?*  - GV dặn dò HS về nhà có thể tìm thêm các ví dụ tương tự về số thập phân đã học. | - Nhận biết được số thập phân; biết đọc, viết số thập phân (dạng phần mười).  - Biết chuyển các phân số thập phân thành số thập phân và ngược lại.  - Biết ghi số đo đại lượng (độ dài) bằng việc sử dụng số thập phân.  - HS nghe để thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………....

………………………………………………………………………………………....

**Buổi chiều**

**Tiết 3: Toán**

**Bài 14**

**SỐ THẬP PHÂN (tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Phân biệt khái niệm số thập phân (dạng phần trăm); biết đọc, viết số thập phân (dạng phần trăm).

- Thực hiện dược chuyên các phân số thập phân (dạng phần trăm) thành số thập phân (dạng phần trăm) và ngược lại.

- Sử dụng hình ảnh trực quan để biểu diễn số thập phân (dạng phần trăm).

**2. Năng lực**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Máy tính, bài trình chiếu PPT.

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

- Các tờ giấy hình vuông biểu thị và ….

- Bảng cấu tạo số thập phân (dạng phần trăm/sgk trang 38).

**2. Học sinh**

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động** |  |
| **-** GV hướng dẫn HS khởi động theo nhóm: mỗi nhóm một số tờ giấy màu hình vuông 100 ô; được tô màu 1 ô; 12 ô; 25 ô; 50 ô.  - GV yêu cầu HS xem tranh, nhận biết các phân số thập phân trong hình vẽ. | - Ví dụ: Trên hình vẽ biểu diễn các phân số ; … |
| - GV nhận xét, tổng kết hoạt động. | - HS nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Mục tiêu: -** Học sinhnhận biết được khái niệm số thập phân (dạng phần trăm); biết đọc, viết số thập phân (dạng phần trăm). | |
| **a) Nhận biết số thập phân (dạng phần trăm):**  **-** GV cho phân số thập phân , yêu cầu HS làm việc theo nhóm. | - HS đọc trong nhóm, chia sẻ với bạn: |
|  | được viết thành 0,01  0,01 đọc là “không phẩy không một”.  0,01 =  Số 0,01 gọi là số thập phân. |
| - GV yêu cầu 1 nhóm chia sẻ trước lớp. | - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp. |
| \* Thực hiện tương tự với phân số thập phân | được viết thành 0,23  0,23 đọc là “không phẩy hai mươi ba”.  0,23 =  Số 0,23 gọi là số thập phân. |
| **b) GV cho HS quan sát bảng và nhận biết:** |  |
| - GV hướng dẫn HS nhận biết về cấu tạo số thập phân 0,01 và 0,23 qua bảng cấu tạo sgk/38. | - HS lắng nghe. |
| - GV hỏi:  + STP 0,01 gồm mấy phần? | - HS trả lời:  + STP gồm 2 phần: Phần nguyên và phần thập phân. |
| + Trong số 0,01 thì chữ số 1 thuộc hàng nào? | + Chữ số 1 thuộc hàng phần trăm. |
| + Trong số 0,23 thì chữ số 2 (chữ số 3) thuộc hàng nào? | + Chữ số 2 thuộc hàng phần mười.  Chữ số 3 thuộc hàng phần trăm. |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Mục tiêu: -** HS rèn kỹ năng chuyển một phân số thập phân thành số thập phân; chuyển một số thập phân thành phân số. | |
| **\* Bài 1:**  **a)** Chuyển phân số thập phân thành số thập phân:  - GV hướng dẫn HS tiến hành các thao tác: | - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV: |
| + Quan sát, phân tích mẫu: 3 HS đọc to mẫu. | + HS đọc: Mẫu: = 0,45 |
| + Nhận biết tử số và mẫu số của phân số thập phân; phần nguyên, phần thập phân của số thập phân: | + HS nêu: Tử số: 45; Mẫu số: 100; STP 0,45 gồm 0 đơn vị; 4 phần mười và 5 phần trăm. |
| + Viết phân số thập phân thành số thập phân. | + HS tự làm bài, sau đó đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm và thống nhất kết quả theo nhóm đôi:  = 0,38 = 0,91  = 0,55 = 0,06 |
| - GV nhận xét kết quả bài làm của HS. | - HS lắng nghe. |
| **b)** **Chuyển số thập phân thành phân số thập phân:** | - HS thực hiện: |
| + Quan sát, phân tích mẫu: 3 HS đọc to mẫu. | + HS đọc: Mẫu: 0,08 = |
| + Nhận biết phần nguyên và phần thập phân của STP; tử số và mẫu số của phân số thập phân. | + Số thập phân 0,08 gồm: 0 đơn vị; 0 phần mười và 8 phần trăm; PSTP có tử số là 8; mẫu số là 100. |
| + Viết số thập phân thành phân số thập phân. | - HS tự làm bài, sau đó đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm và thống nhất kết quả theo nhóm đôi:  0,04 = 0,62 =  0,92 = 0,7 = |
| - GV nhận xét kết quả bài làm của HS. | - HS lắng nghe. |
| **\* Bài 2:** |  |
| - GV yêu cầu HS đọc đề bài. | - HS đọc. |
| - Gv yêu cầu HS xác định việc cần làm. | - Nêu số thập phân ứng với mỗi vị trí trên tia số. |
| + Đọc các số ở phía trên của tia số sau đó đọc các số ở phía dưới của tia số. | - HS bài cá nhân: HS tự làm bài vào vở BT Toán, 1 HS lên bảng. |
| + Xác định: mỗi vạch nhỏ ứng với 0,01 hay đơn vị. |  |
| + Nêu số thích hợp ứng với mỗi vị trí A, B, C, D trên tia số. |  |
|  | - Chữa bài trên bảng và thống nhất kết quả: A - 0,15 B - 0,28 C - 0,66 D - 0,83 |
| - GV nhận xét kết quả bài làm của HS. |  |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm.**  **Mục tiêu: -** HS phát triển năng lực tư duy toán học thông qua bài toán liên quan đến lưới ô vuông. | |
| **\* Bài 3:**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài: 2 HS đọc to. | - HS đọc. |
| - GV yêu cầu HS xác định việc cần làm. | - Em lấy hai tờ giấy, mỗi tờ gồm 100 ô vuông.  - Tô màu để biểu diễn số thập phân 0,25; 0,6 rồi dán vào vở. |
| - GV hướng dẫn HS chuẩn bị 2 tờ giấy theo yêu cầu của bài để tô màu. | - HS lắng nghe. |
| **\* Củng cố, dặn dò**  GV hỏi: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì? | - Em biết đọc, viết số thập phân dạng phần trăm. |
|  | - Em biết chuyển phân số thập phân thành số thập phân và ngược lại. |
|  | - Em biết biểu diễn số thập phân dạng phần trăm trên tia số và hình vẽ. |
| - GV dặn dò HS về nhà ôn về cách đọc, viết các số thập phân dạng phần trăm vừa được học. | - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

------------------------------------------------

***Thời gian thực hiện: Thứ sáu, ngày 11/10/2024***

**Buổi sáng**

**Tiết 1: Toán**

**BÀI 15**

**SỐ THẬP PHÂN (tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được khái niệm số thập phân (dạng phần nghìn); biết đọc, viết số thập phân (dạng phần nghìn).

- Thực hiện được chuyên các phân số thập phân thành số thập phân (dạng phần nghìn) và ngược lại.

- Làm quen với việc ghi số đo đại lượng (khối lượng) bằng việc sử dụng số thập phân.

**2. Năng lực**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

- Phát triển các NL toán học.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

-Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT.

-SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

- Chuẩn bị một số tình huống đơn giản dần tới khái niệm số thập phân (dạng phần nghìn).

- Bảng phụ, phiếu học tập.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập (bút, thước, vở ghi, nháp, bảng con…).

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động** | |
| - GV tổ chức trò chơi “**Truyền điện”** với nội dung: Chuyển số thập phân thành phân số thập phân: 0,5; 0,03; 0,75; 0,192; 0,006  **\*Luật chơi:**  - Mỗi bạn nêu một số thập phân, đố bạn khác chuyển số đó dưới dạng phân số thập phân. | - HS cả lớp lắng nghe luật chơi. |
| **-** GV hướng dẫn HS chơi trong nhóm. | - HS chơi cả lớp.  - Lớp trưởng điều khiển các bạn chơi: |
| - GV tổ chức cho HS chơi trước lớp. | + Lớp trưởng nhanh chóng hô 1 số thập phân và chỉ tay vào 1 bạn bất kì để “truyền điện”  + Người được lựa chọn nhanh chóng đưa ra phân số thập phân tương ứng. Nếu trả lời đúng thì tiếp tục chỉ tay vào bạn khác để “truyền điện”. Nếu trả lời sai thì phải thực hiện 1 hình phạt do lớp trưởng đưa ra. |
| - GV nhận xét, tổng kết hoạt động. | - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Mục tiêu: -** HS nhận biết được khái niệm số thập phân (dạng phần nghìn); biết đọc, viết số thập phân (dạng phần nghìn). | |
| **a) Nhận biết số thập phân (dạng phần nghìn).**  - GV đưa phân số , yêu cầu HS đọc thông tin và làm việc theo nhóm. | - HS thảo luận trong nhóm:  được viết thành 0,001  0,001 đọc là “không phẩy không không một”.  0,001 =  Số 0,001 gọi là số thập phân. |
| - GV yêu cầu 1 nhóm chia sẻ trước lớp. | - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp. |
| - GV yêu cầu HS thực hiện tương tự với phân số thập phân | được viết thành 0,249  0,249 đọc là “không phẩy hai trăm bốn mươi chín”.  0,249 =  Số 0,249 gọi là số thập phân. |
| **b) GV cho HS quan sát bảng và nhận biết:** |  |
| - GV hướng dẫn HS nhận biết về cấu tạo số thập phân 0,001 và 0,249 qua bảng cấu tạo sgk/39.  - GV hỏi: | - HS lắng nghe và thực hiện theo hướng dẫn của GV:  - HS trả lời: |
| + STP 0,001 gồm mấy phần? | + STP gồm 2 phần: Phần nguyên và phần thập phân. |
| + Trong số 0,01 thì chữ số 1 thuộc hàng nào? | + Chữ số 1 thuộc hàng phần nghìn. |
| + Trong số 0,249 thì chữ số 2 (chữ số 4, chữ số 9) thuộc hàng nào? | + Chữ số 2 thuộc hàng phần mười.  Chữ số 4 thuộc hàng phần trăm. |
|  | Chữ số 9 thuộc hàng phần nghìn. |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Mục tiêu: -** Học sinh củng cố cách đọc, viết số thập phân, chuyển các phân số thập phân về dạng số thập phân và ngược lại. | |
| **\* Bài 1: (Cặp đôi)** |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1a. | - HS đọc yêu cầu bài tập 1a. |
| - GV yêu cầu HS xác định việc cần làm. | **- Đọc số thập phân** |
| - GV yêu cầu HS đọc theo cặp. | - HS đọc từng số thập phân.  0,005: Không phẩy không không năm  0,312: Không phẩy ba một hai  0,308: Không phẩy ba không tám  0,029: Không phẩy không hai chín  0,071: Không phẩy không bảy một |
| - GV quan sát, nhận xét. |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1b. | - HS đọc yêu cầu bài tập 1b. |
| - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân. | - HS làm bài cá nhân vào vở bài tập toán. |
| - GV hướng dẫn HS chia sẻ bài làm với bạn. | - HS chia sẻ bài làm với bạn trong nhóm 2. |
| - GV tổ chức cho HS chơi tiếp sức để chia sẻ kết quả: GV ghi sẵn bài tập 1b lên bảng, sau đó GV bốc thăm để chọn 8 HS chơi. | - 8 HS chia làm 2 đội, mỗi thành viên sẽ luân phiên chạy lên ghi kết quả vào chỗ trống theo kiểu tiếp sức.  - Chơi xong các 2 đội chơi giữ nguyên đội hình. |
| - GV khuyến khíchHS hỏi các hàng của phần nguyên, các hàng của phần thập phân bằng trò chơi **“Bạn hỏi – Tôi trả lời”.** | + Học sinh dưới lớp hỏi:  + HS trong đội chơi điền bài đó trả lời  +… (Cứ như vậy cho đến hết 4 câu) |
| - GV nhận xét, bổ sung. |  |
| **\* Bài 2:** |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - GV hướng dẫn HS tiến hành các thao tác:  + Quan sát, phân tích mẫu: 3 HS đọc to mẫu.  + Nhận biết tử số và mẫu số của phân số thập phân; phần nguyên, phần thập phân của số thập phân: | - Chuyển các phân số thập phân về dạng số thập phân (theo mẫu)  - HS đọc: Mẫu: 6/1000 = 0,006  - HS nêu: Tử số: 6; Mẫu số: 1000; STP 0,006 gồm 0 đơn vị và 6 phần nghìn. |
| + Viết phân số thập phân thành số thập phân. | - HS tự làm bài, sau đó đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm và thống nhất kết quả theo nhóm đôi:  = 0,009 = 0,024  = 0,391 = 0,550 |
| - GV nhận xét kết quả bài làm của HS. |  |
| **\* Bài 3:**  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 3.  - GV hướng dẫn HS: | - Chuyển số thập phân về dạng phân số thập phân (theo mẫu)  - HS thực hiện theo hướng dẫn: |
| + Quan sát, phân tích mẫu. | + HS đọc: Mẫu: 0,982 = |
| + Nhận biết phần nguyên và phần thập phân của STP; tử số và mẫu số của phân số thập phân. | + Số thập phân 0,982 gồm: 0 đơn vị; 9 phần mười; 8 phần trăm và 2 phần nghìn; PSTP có tử số là 982; mẫu số là 1 000. |
| + Viết số thập phân thành phân số thập phân. | - HS tự làm bài, sau đó đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm và thống nhất kết quả theo nhóm đôi:  0,123 = 0,908 =  0,77 = 0,008 = |
| - GV tổ chức chữa bài, nhận xét kết quả bài làm của HS. | - HS lắng nghe. |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm.**  **Mục tiêu: -** HSđọc được cân nặng dưới dạng số thập phân bài tập gắn với thực tế. | |
| **\* Bài 4:**  - GV gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc yêu cầu. |
| - GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu bài tập. | - HS tiến hành các thao tác:  + Quan sát và đối chiếu với số liệu đã cho đề nhận biết về cân nặng của mỗi loại quả.  + Đọc số thập phân kèm tên đơn vị kg để có số đo cân nặng tương ứng. |
| - GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét nhận xét, tuyên dương.  - **GV Kết luận:** Ý nghĩa thực tế của việc dạy học số thập phân ở tiểu học, nhằm cung cấp cho HS một công cụ biểu diễn số đo đại lượng, ở đây là việc sử dụng số thập phân để biểu thị cân nặng một cách chính xác và tiện dụng. | - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **\*Củng cố, dặn dò**  - GV hỏi: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?  - GV dặn dò HS về nhà chia sẻ với người thân về cách đọc, viết các dạng số thập phân vừa được học. | - Biết được khái niệm số thập phân (dạng phần nghìn); đọc, viết số thập phân (dạng phần nghìn).  - HS lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

**------------------------------------------------**

**Tiết 2: Công nghệ**

**BÀI 3: NHÀ SÁNG CHẾ (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế.

**1. Năng lực**

- Năng lực tự chủ và tự học: Hình thành phương pháp tự đọc hiểu tài liệu, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của GV.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hình thánh thói quen trao đổi, hỗ trợ, hợp tác với nhau trong học tập.

- Năng lực nhận thức công nghệ: Tóm tắt được thông tin về một số nhà sáng chế nổi bật trong lịch sử loài người.

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.

- Trách nhiệm: Nhắc nhở bạn bè chấp hành các quy định trong lớp, có ý thức giữ gìn vệ sinh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Một số hình ảnh trong SGK, sưu tầm thêm hình ảnh tư liệu về các nhà sáng chế nổi tiếng trên thế giới và Việt Nam cùng những sáng chế nổi bật của họ.

**2. Học sinh**

- SGK, SBT, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động**  a. Mục tiêu: Tạo được hứng thú học tập và nhu cầu tìm hiểu về các nhà sáng chế tiêu biểu.  b. Tổ chức thực hiện: | |
| - GV yêu cầu HS quan sát tranh có một số sản phẩm công nghệ của các nhà sáng chế khác nhau và đặt câu hỏi: Bạn hãy kể tên một số nhà sáng chế nổi tiếng trên thế giới ?  - GV gọi một số HS trả lời.  - Gọi 1 số HS khác nhận xét.  - HS có thể không trả lời đúng và đủ yêu cầu của câu hỏi, GV đãn dắt HS vào bài mới. | - Nghe câu hỏi  - Trả lời: Có thể là Tô-mát Ê-đi-xơn, Các Ben, anh em nhà Rai, Giôn Lo-gi Ba,..  - Nhận xét bạn và bổ sung.  - Nghe |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Một số nhà sáng chế nổi bật trong lịch sử loài người.**  **Tìm hiểu về một số nhà sáng chế**  a. Mục tiêu : Tóm tắt được thông tin về một số nhà sáng chế nổi bật trong lịch sử loài người.  b. Tổ chức thực hiện : | |
| **\* Nhiệm vụ 1 : Tìm hiểu về Tô-mát Ê-đi-xơn**  - GV yêu cầu HS quan sát ảnh chân dung, đọc thông tin trong SGK trang 14 và trả lời các câu hỏi:  + Tô-mát Ê-đi-xơn là người nước nào ? Ngày sinh và ngày mất của ông ?  + Vì sao Tô-mát Ê-đi-xơn lại được gọi là Người tạo ra Mặt Trời thứ 2 cho nhân loại ?  + Tô-mát Ê-đi-xơn có những sáng chế nổi bật nào ?  - GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi các câu hỏi trên.  - GV gọi đại diện các nhóm trả lời.  - GV gọi nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, chốt đáp án:  + Tô-mát Ê-đi-xơn là nhà phát minh, sáng chế người Mỹ, ông sinh năm 1847 và mất năm 1931.  + Mặt trời cung cấp ánh sáng cho Trái đất vào ban ngày, còn bóng đèn điện cung cấp ánh sáng cho từng nhà, từng làng xóm, thành phố vào ban đêm khi Mặt trời lặn. Vì vậy, ông được gọi là người tạo ra mặt trời thứ hai cho nhân loại.  + Những sáng chế nổi bật của Tô-mát Ê-đi-xơn : Bóng đèn điện, máy ghi âm, máy quay phim, máy điện báo,…  - GV đặt tiếp câu hỏi : Kể tên những sáng chế của Ê-đi-xơn còn được sử dụng đến ngày nay ?  - GV cùng HS tóm tắt thông tin về nhà sáng chế Tô-mat Ê-đi-xơn.  **\* Nhiệm vụ 2 : Tìm hiểu về Các Ben**  - GV yêu cầu HS quan sát ảnh chân dung, đọc thông tin trong trang 15 SGK và trả lời các câu hỏi:  + Các Ben là người nước nào ? Ông sinh và mất năm nào ?  + Vì sao Các Ben lại được gọi là Ông tổ của ngành sản xuất ô tô ?  - GV yêu cầu hoạt động cá nhân tìm hiểu và trả lời các câu hỏi trên.  - GV gọi 1 HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét  - GV nhận xét và chốt đáp án:  + Các Ben là nhà sáng chế người Đức. Ông sinh năm 1844 và mất năm 1929.  + Các Ben được gọi là ông tôt của ngành sản xuất ô tô là vì Ông là người đầu tiên sáng chế ra chiếc ô tô chạy bằng xăng, sau đó ông thành lập công ty sản xuất ô tô. Sau này, công ty của ông sáp nhập với công ty DMG và lấy tên là Mercedes BenZ cho đến tận ngày nay.  - GV yêu cầu trả lời câu hỏi: Chiếc ô tô ngày nay có những điểm gì khác biệt so với chiếc ô tô đầu tiên của Các Ben ? | - Quan sát hỉnh ảnh, đọc thông tin và trả lời câu hỏi.  - Thảo luận nhóm đôi.  - Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi.  - Nhận xét.  - Trả lời: Những sáng chế của Ê-đi-xơn còn được sử dụng đến ngày nay là: Bóng đèn điện, máy quay phim, máy ghi âm.  - HS lắng nghe.  - Quan sát, đọc thông tin và trả lời câu hỏi.  - Tìm hiểu các thông tin và trả lời câu hỏi.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - Suy nghĩ, trả lời: Chiếc ô tô ngày nay thường có 4 bánh, có kính, có cửa xe, chạy nhanh hơn,… |
| **3. Hoạt động luyện tập**  a. Mục tiêu : Củng cố hiểu biết về hai nhà sáng chế đã học.  b. Tổ chức thực hiện: | |
| - GV yêu cầu HS tóm tắt thông tin về nhà sáng chế Tô-mát Ê-đi-xơn.  - Gọi 1HS trả lời.  - Gọi 1 HS khác nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương.  - GV hỏi tiếp câu hỏi : Chiếc ô tô đầu tiên do Các Ben sản xuất vào năm nào ? So sánh chiếc ô tô đầu tiên do Các Ben sản xuất và chiếc ô tô ngày nay ? | - Nghe yêu cầu.  - Trả lời.  - Nhận xét.  - Nghe.  - Đọc thông tin và trả lời:  Chiếc ô tô đầu tiên do Các ben sản xuất năm 1886.  Chiếc ô tô đầu tiên do Các Ben sản xuất có 3 bánh, vận tốc tối đa chỉ khoảng 16km/h. Còn ô tô ngày có 4 bánh, có kính, có cửa xe, chạy nhanh hơn. |

**IV. ĐIỀUCHỈNH SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

--------------------------------------------------

**Tiết 3: Tiếng Việt**

**ĐỌC MỞ RỘNG:**

**THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Đọc sách báo viết về động vật hoang dã, biết ghi chép những thông tin quan trọng và trao đổi với bạn về những thông tin đã đọc

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Rèn luyện thói quen đọc sách và biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nâng cao kĩ năng nói và nghe trong giao tiếp.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu thiên nhiên và yêu quý các loài động vật

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết lắng nghe và nhận xét về bạn.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Hoạt động khởi động**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV mở bài hát về động vật để khởi động vào bài học.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS vận động theo bài hát  - HS lắng nghe. | |
| **2. Hoạt động khám phá**  - Mục tiêu:  + Tìm đọc sách báo, câu chuyện về thế giới động vật hoang dã, viết được phiếu đọc sách theo mẫu.  + Biết trao đổi, chia sẻ với bạn về nội dung câu chuyện đã đọc; nhớ tên những câu chuyện của tác giả yêu thích và kể lại cho người thân.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS ở BT1 theo những yêu cầu sau:  Bài 1:  + Đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã. | | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1. |
| **Bài 2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.**    **-** GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân:  + Nhớ lại hoặc đọc lại câu chuyện về thế giới động vật hoang dã em đã chuẩn bị.  + Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong sách, khuyến khích HS sáng tạo.  - GV mời 1 – 2 HS trình bày bài làm của mình, các HS khác theo dõi và nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.  **Bài 3. Trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện mà em đã đọc.**  - GV giao nhiệm vụ cho HS ở BT3:  Em có thể chọn một trong các hoạt động sau:  + Tóm tắt những thông tin chính đã đọc về thế giới động vật hoang dã (tên loài vật, nơi sinh sống, đặc điểm, thói quen,…)  + Chia sẻ những thông tin thú vị về loài vật đã đọc trong sách báo.  - GV tổ chức hoạt động thảo luận cho HS, GV khuyến khích HS nêu câu hỏi và có những phản biện thể hiện quan điểm cá nhân.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | | - HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - HS viết vào phiếu đọc sách theo mẫu.  - HS trình bày phiếu đọc sách  - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS thực hiện hoạt động theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng trải nghiệm**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS ở BT4: Ghi chép những thông tin quan trọng về một số động vật có tên trong Sách đỏ Việt Nam.  - GV tổ chức hoạt động cho HS hoạt động theo nhóm đôi, GV gợi ý cho HS:  + Giới thiệu tên loài động vật  + Nêu đặc điểm của chúng  + Nêu thói quen và điểm đặc biệt của chúng.  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, các HS khác lắng nghe | - HS đọc nhiệm vụ của BT.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe, phát biểu ý kiến.  - HS chú ý lắng nghe. | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**--------------------------------------------------**